

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Thị Thanh Mơ

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG
TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO MÁY EBA**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Thị Thanh Mơ

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thanh Mơ

Mã SV:1354010177

Lớp: QT1303K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH

chế tạo máy EBA

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Hệ thống được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.
 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH chế tạo máy EBA
 - Đánh giá được ưu nhược điểm của công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trên cơ sở đó đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị thực tập.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu năm 2012.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty TNHH chế tạo máy EBA

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH chế tạo máy EBA

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã đi sâu phân tích thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH chế tạo máy EBA, có số liệu minh họa cụ thể (tháng 06 năm 2012). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH chế tạo máy EBA, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2013

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| LỜI MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG I. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP | 2 |
| 1.1. Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp | 2 |
| 1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp. | 2 |
| 1.1.2. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền. | 3 |
| 1.1.3. Nhiệm vụ và nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền. | 4 |
| 1.1.4. Yêu cầu quản lý nội bộ vốn bằng tiền..... | 7 |
| 1.2. Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ | 8 |
| 1.2.1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt tại quỹ..... | 8 |
| 1.2.2. Chứng từ sử dụng | 9 |
| 1.2.3. Tài khoản sử dụng | 9 |
| 1.2.4. Phương pháp hạch toán. | 11 |
| 1.3. Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng. | 13 |
| 1.3.1. Nguyên tắc hạch toán tiền gửi Ngân hàng | 13 |
| 1.3.2. Chứng từ sử dụng | 14 |
| 1.3.3. Tài khoản sử dụng | 14 |
| 1.3.4. Phương pháp hạch toán | 15 |
| 1.4. Tổ chức kế toán tiền đang chuyển | 18 |
| 1.4.1. Nguyên tắc kế toán tiền đang chuyển | 18 |
| 1.4.2. Chứng từ sử dụng | 18 |
| 1.4.3. Tài khoản sử dụng | 18 |
| 1.4.4. Phương pháp hạch toán | 19 |
| 1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp..... | 20 |
| 1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung | 20 |
| 1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái | 22 |
| 1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ | 23 |

| | |
|---|-----------|
| 1.5.4.Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ..... | 25 |
| 1.5.5.Hình thức kế toán trên máy vi tính. | 27 |
| CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO MÁY EBA | 30 |
| 2.1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH Chế tạo máy EBA..... | 30 |
| 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty..... | 30 |
| 2.1.2.Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty..... | 30 |
| 2.1.3.Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty..... | 32 |
| 2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH chế tạo máy EBA..... | 35 |
| 2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Chế tạo máy EBA | 40 |
| 2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ | 40 |
| 2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng | 55 |
| CHƯƠNG III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO MÁY EBA | 67 |
| 3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH chế tạo máy EBA | 67 |
| 3.1.1. Những ưu điểm về công tác kế toán vốn bằng tiền..... | 69 |
| 3.1.2. Những hạn chế về công tác kế toán vốn bằng tiền | 71 |
| 3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Chế tạo máy EBA..... | 72 |
| KẾT LUẬN..... | 86 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | |

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là cơ sở là tiền đề đầu tiên cho 1 doanh nghiệp hình thành, phát triển và là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Hiện nay nước ta đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới WTO, thị trường trong nước được mở cửa, điều này mang lại nhiều cơ hội cho nền kinh tế trong nước phát triển, phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không chỉ giới hạn trong nước mà còn mở rộng tăng cường với nhiều nước trên thế giới. Do đó quy mô và kết cấu vốn bằng tiền rất phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chính vì nhận thức được tầm quan trọng của vốn bằng tiền trong hoạt động kinh doanh nên em đã chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH chế tạo máy EBA”**

Nội dung khóa luận bao gồm 3 chương:

Chương I. Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

Chương II. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH chế tạo máy EBA

Chương III. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH chế tạo máy EBA

Vì trình độ còn hạn chế và thời gian có hạn nên bài viết của em sẽ không tránh khỏi những sai sót. Mong thầy cô và các bạn có những đóng góp để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo ThS. Nguyễn Thị Mai Linh, Ban giám đốc và các cán bộ nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH chế tạo máy EBA đã hướng dẫn tận tình trong quá trình thực tập và tạo điều kiện giúp em hoàn thành bài khóa luận của mình. ./.

Hải Phòng ngày tháng 06 năm 2013

Sinh viên

Nguyễn Thị Thanh Mơ

CHƯƠNG I. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Đối với mỗi doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết cần có một lượng vốn nhất định, trên cơ sở tạo lập vốn kinh doanh của doanh nghiệp, dùng nó vào việc mua sắm tài sản cần thiết phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Do đó vốn bằng tiền có một vị trí rất quan trọng, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa sản xuất kinh doanh vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó vốn bằng tiền đóng một vai trò rất quan trọng, đảm bảo cho công tác sản xuất, kinh doanh được liên tục đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là đối tượng có khả năng phát sinh rủi ro cao hơn các loại tài sản khác vì vậy nó cần được quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết. Trong quản lý người ta sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như thống kê, phân tích các hoạt động kinh tế nhưng kế toán luôn được coi là công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép phản ánh, tính toán giám sát thường xuyên liên tục sự biến động của vật tư, tiền vốn bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong sản xuất kinh doanh.

Các thông tin kinh tế tài chính do kế toán cung cấp giúp cho chủ doanh nghiệp và những người quản lý doanh nghiệp nắm vững tình hình và kết quả

hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh, mặt yếu để từ đó có những quyết định và chỉ đạo sao cho quá trình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

1.1.2. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền.

Trong nền kinh tế hiện đại ngày nay, khi đề cập đến tiền tệ người ta không nhìn nó một cách hạn hẹp và đơn giản rằng tiền tệ chỉ là kim loại hay tiền giấy mà người ta đã xem xét tiền tệ ở một góc độ rộng lớn hơn cả các loại séc; sử dụng tiền gửi, thanh toán bằng thẻ ... nếu chúng có thể chuyển đổi dễ dàng thành tiền mặt thì cũng có thể xem là tiền.

Vốn bằng tiền là toàn bộ các hình thức tiền tệ hiện thực do đơn vị sở hữu, tồn tại dưới hình thái giá trị và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là một loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng có và sử dụng.

* Theo hình thái tài sản vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- Tiền Việt Nam đồng: Đây là loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ngoại tệ: Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt Nam như các đồng: đô la Mỹ (USD), đồng bảng Anh (GBP), đồng phrăng Pháp (FFr), đồng Yên Nhật (JPY), đồng đô la Hồng Kông (HKD), ...

- Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu giữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

* Theo trách nhiệm quản lý tiền vốn có:

- Tiền mặt tại quỹ (TK111): Gồm giấy bạc Việt Nam; ngoại tệ; vàng bạc, kim khí quý, đá quý, hiện đang được giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

- Tiền gửi ngân hàng (TK112): Là tiền Việt Nam; ngoại tệ; vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng.

- Tiền đang chuyển (TK113): Là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.1.3. Nhiệm vụ và nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền.

1.1.3.1. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.

- Phản ánh các khoản thu, chi vốn bằng tiền kịp thời. Thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu số liệu thường xuyên với thủ quỹ để bảo đảm giám sát chặt chẽ vốn bằng tiền.

- Phản ánh tình hình tăng giảm, sử dụng tiền gửi ngân hàng hàng ngày, việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Phản ánh các khoản tiền đang chuyển, kịp thời phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chuyển bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp thích hợp giải phóng nhanh tiền đang chuyển kịp thời.

- Tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ, thủ tục hạch toán vốn bằng tiền.

- Thông qua việc ghi chép vốn bằng tiền, kế toán phát hiện các chênh lệch, xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch vốn bằng tiền.

- Việc sử dụng vốn bằng tiền phải tuân theo các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ của Nhà nước.

- Phản ánh tình hình tăng, giảm và số dư tồn quỹ hàng ngày, đôn đốc việc chấp hành thanh toán của mọi thành viên cho kịp thời giám sát việc chi tiêu tiền mặt cho phù hợp với chế độ của Nhà nước.

- Kế toán vốn bằng tiền trong quá trình kinh doanh của công ty thường phát sinh quan hệ thanh toán giữa công ty với Nhà nước, cấp trên với cán bộ công nhân viên. Kế toán dùng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, của công ty để thanh toán, đồng thời phải phản ánh rõ, chính xác nhiệm vụ thanh toán từng

đối tượng, từng khoản thanh toán tránh tình trạng chiếm dụng vốn.

- Kế toán tiền vay nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn cho nhu cầu kinh doanh trong trường hợp vượt quá khả năng nguồn vốn tự có công ty có thể huy động vốn thông qua tín dụng. Nhưng đảm bảo vay có mục đích có kế hoạch. Sử dụng tiền vay phải có vật tư hàng hóa đảm bảo hoàn trả đúng kỳ hạn cả vốn lẫn lãi.

1.1.3.2. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền

Kế toán vốn bằng tiền phải tuân thủ những nguyên tắc sau đây:

- Kế toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác ghi chép Báo cáo kế toán nhưng phải được chấp nhận bằng văn bản của Bộ tài chính.

- Đối với vàng bạc kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

- Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất, và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá trị thực tế (Giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán). Khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, có thể áp dụng một trong bốn phương pháp xuất kho (Bình quân gia quyền, Nhập trước - xuất trước, Nhập sau - xuất trước, Giá thực tế đích danh).

Tuy nhiên, do vàng bạc, đá quý, là loại tài sản có giá trị lớn và mang tính tách biệt nên phương pháp thực tế đích danh thường được sử dụng. Nếu có chênh lệch giữa giá xuất bán và giá thanh toán ở thời điểm phát sinh nghiệp vụ thì được phản ánh vào TK 515 hoặc TK 635.

Trường hợp kế toán vốn bằng tiền liên quan đến ngoại tệ:

- Một giao dịch bằng ngoại tệ là giao dịch được xác định bằng ngoại tệ hoặc yêu cầu thanh toán bằng ngoại tệ, bao gồm các giao dịch phát sinh khi một doanh nghiệp:

+ Mua hoặc bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà giá cả được xác định

bằng ngoại tệ.

+ Vay hoặc cho vay các khoản tiền mà số phải trả hoặc phải thu được xác định bằng ngoại tệ.

+ Trở thành một đối tác (một bên) của một hợp đồng ngoại hối chưa được thực hiện.

+ Dùng một loại tiền tệ này để mua, bán hoặc thay đổi lấy một loại tiền tệ khác.

+ Mua hoặc thanh lý các tài sản, phát sinh hoặc thanh toán các khoản nợ xác định bằng ngoại tệ.

- Một giao dịch bằng ngoại tệ phải được hạch toán và ghi nhận ban đầu theo đơn vị tiền tệ kế toán bằng việc áp dụng tỉ giá hối đoái giữa đơn vị tiền tệ kế toán và ngoại tệ tại ngày giao dịch.

- Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch được coi là tỉ giá giao ngay. Doanh nghiệp có thể sử dụng tỷ giá xấp xỉ với tỉ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

- Các giao dịch làm tăng (giảm) vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả được quy đổi ngoại tệ ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch (Tỷ giá ghi sổ) để ghi sổ kế toán.

- Trường hợp mua bán ngoại tệ bằng đơn vị tiền tệ kế toán (VNĐ) thì được hạch toán theo tỷ giá thực tế mua hoặc thực tế bán.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính doanh nghiệp phải đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phải được báo cáo theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập Bảng CĐKT ở thời điểm cuối năm tài chính được thể hiện:

+ Doanh nghiệp đồng thời phải theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết các Tài khoản: Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản phải thu, các khoản phải trả, và tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại” (Tài khoản ngoài

Bảng CĐKT).

+ Đối với tài khoản thuộc loại doanh thu, hàng tồn kho, TSCĐ, chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí khác, bên Nợ các Tài khoản vốn bằng tiền...khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam, hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

+ Đối với các bên có các tài khoản vốn bằng tiền, khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam, hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá ghi trên sổ kế toán (Tỷ giá bình quân gia quyền, tỷ giá nhập trước - xuất trước, tỷ giá nhập sau - xuất trước, giá thực tế đích danh).

+ Đối với bên có của các tài khoản nợ phải trả hoặc bên nợ có các tài khoản nợ phải thu, khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch. Cuối năm tài chính các số dư nợ phải trả hoặc dư nợ phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

+ Đối với bên nợ các khoản nợ phải trả, hoặc bên có của các tài khoản nợ phải thu, khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải ghi trên sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá trên sổ kế toán.

+ Trường hợp mua, bán ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì hạch toán theo tỷ giá thực tế mua, bán.

1.1.4. Yêu cầu quản lý nội bộ vốn bằng tiền

Để quản lý tốt vốn bằng tiền trong nội bộ doanh nghiệp thì trước hết cần tách biệt việc bảo quản vốn bằng tiền khỏi việc ghi chép các nghiệp vụ này.

Ngoài ra, doanh nghiệp còn phải phân công một số nhân viên làm

nhiệm vụ ghi sổ để kiểm tra công việc của người này thông qua công việc của người kia. Việc phân chia trách nhiệm như trên là nhằm hạn chế bớt tình trạng gian lận cũng như sự móc ngoặc giữa các nhân viên trong việc tham ô tiền mặt. Các bước chính để thực hiện việc quản lý nội bộ đối với vốn bằng tiền gồm:

- Tách biệt nhiệm vụ giữ tiền mặt với việc giữ các sổ sách kế toán - những nhân viên giữ tiền mặt không được tiếp cận với sổ sách kế toán và các nhân viên kế toán không được giữ tiền mặt, ban hành chế độ kiểm kê quỹ, quy định rõ ràng trách nhiệm cá nhân trong việc quản lý tiền tại quỹ.

- Lập bản danh sách ghi hóa đơn thu tiền mặt tại thời điểm và nơi nhận tiền mặt.

- Thực hiện thanh toán bằng séc, chỉ nên dùng tiền mặt chi tiêu cho các khoản lặt vặt, không được chi trả tiền mặt thay cho việc chi trả séc.

- Trước khi phát hành một tờ séc để thanh toán, phải kiểm tra số lượng và giá trị các khoản chi tránh việc phát hành séc quá số dư.

- Tách chức năng duyệt chi khỏi chức năng ký séc.

1.2. Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ

1.2.1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt tại quỹ

- Khi tiến hành nhập quỹ, xuất quỹ phải có phiếu thu, phiếu chi hoặc chứng từ nhập, xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép xuất, nhập quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán.

- Kế toán quỹ tiền mặt chịu trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý; tính ra số tiền tồn quỹ ở mọi thời điểm. Riêng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhận ký cược phải theo dõi riêng trên một sổ hoặc trên một phần sổ.

- Thủ quỹ là người chịu trách nhiệm giữ gìn, bảo quản và thực hiện các nghiệp vụ nhập, xuất tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý tại quỹ. Hàng ngày, thủ quỹ phải thường xuyên kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế

và tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ quỹ, sổ kế toán. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải tự kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý.

- Những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

- Các khoản tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý do đơn vị hoặc cá nhân khác ký cược, ký quỹ tại đơn vị thì quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị. Riêng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý trước khi nhập quỹ phải làm đầy đủ các thủ tục về cân, đo, đong, đếm số lượng, trọng lượng và giám định chất lượng; sau đó tiến hành niêm phong có xác nhận của người ký cược, ký quỹ trên dấu niêm phong.

1.2.2. Chứng từ sử dụng

Các chứng từ được sử dụng trong công tác hạch toán tiền mặt tại quỹ:

- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Giấy đề nghị tạm ứng
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng
- Biên lai thu tiền
- Bảng kê vàng, bạc, kim khí, đá quý
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VND)
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí, đá quý)
- Bảng kê chi tiền
- ...

1.2.3. Tài khoản sử dụng

- ❖ Tài khoản sử dụng là TK 111: “Tiền mặt”.
- ❖ Tài khoản 111 có 3 tài khoản cấp hai:
 - TK 1111 – Tiền Việt Nam: phản ánh tình hình thu, chi, thừa, thiếu, tồn quỹ

tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

- TK 1112 – Ngoại tệ: phản ánh tình hình thu, chi, thừa, thiếu, điều chỉnh tỷ giá hối đoái, tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt quy đổi theo đồng Việt Nam.

- TK 1113 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, thừa, thiếu, tồn quỹ tiền mặt.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.
- Số tiền mặt thừa ở quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái tăng khi điều chỉnh tỷ giá.

Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ.
- Số tiền mặt thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái giảm khi điều chỉnh tỷ giá.

Số dư Nợ:

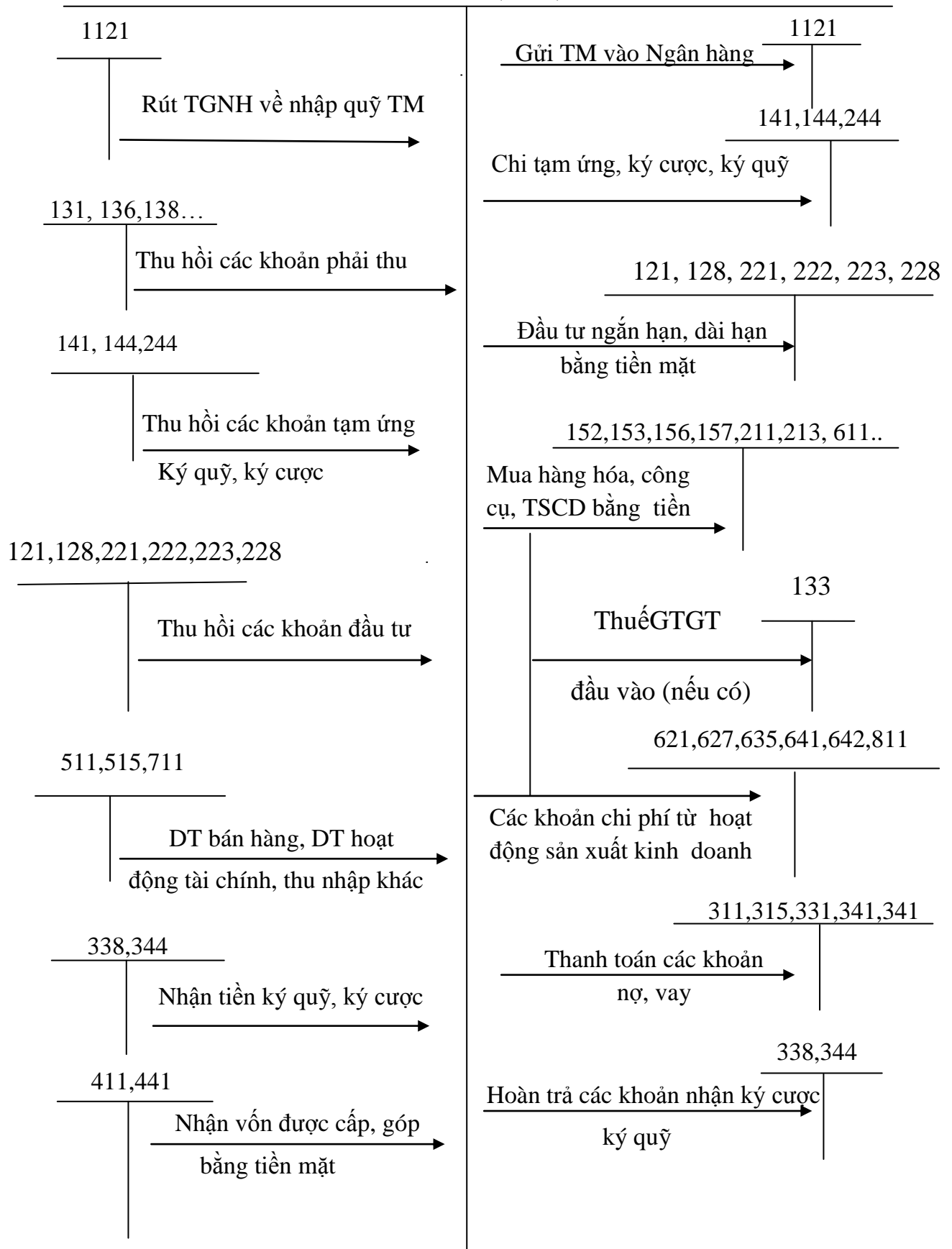
Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn quỹ tiền mặt.

1.2.4. Phương pháp hạch toán.

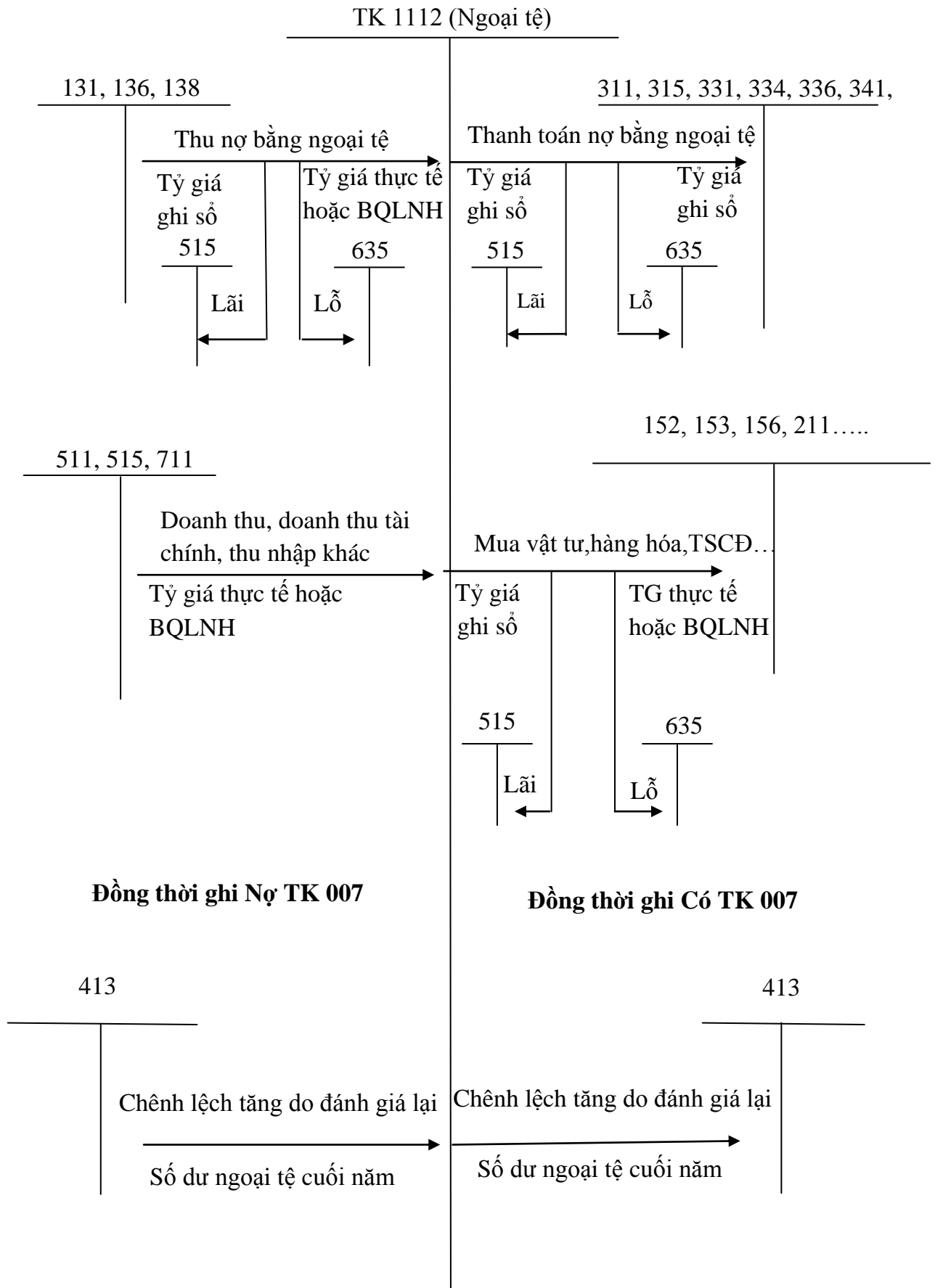
Phương pháp hạch toán tiền mặt được thể hiện qua 2 sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ (VND)

TK 1111 (VND)



Sơ đồ 1.2. Kế toán ngoại tệ tại quỹ



1.3. Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng.

1.3.1. Nguyên tắc hạch toán tiền gửi Ngân hàng

Căn cứ trên các chứng từ gốc hợp lý hợp pháp, giấy báo nợ, giấy báo có bản sao kê hoặc uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, các loại séc, séc bảo chi, séc chuyển khoản séc lĩnh tiền mặt...

Khi phát hành các chứng từ tài khoản TGNH, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

Khi nhận được chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên chứng từ của ngân hàng với số liệu trên sổ kế toán tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp và các chứng từ gốc thì doanh nghiệp phải tiến hành thông báo cho ngân hàng biết để cùng kiểm tra đối chiếu số liệu. Nếu cuối tháng, vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân, kế toán ghi số chênh lệch vào:

Bên nợ TK138 (8) (nếu số liệu của doanh nghiệp nhỏ hơn ngân hàng)

Bên có TK338 (8) (nếu số liệu của doanh nghiệp lớn hơn ở ngân hàng).

Sang tháng sau, phải tiến hành đối chiếu và tìm hiểu nguyên nhân chênh lệch để chỉnh sửa số liệu đã ghi sổ.

Một doanh nghiệp có thể mở tài khoản ở nhiều ngân hàng, do đó kế toán tiền gửi ngân hàng phải mở các sổ kế toán chi tiết để theo dõi TGNH ở các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản.

Đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá chính thức tại thời điểm phát sinh.

Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515 “Doanh thu

hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc vào bên nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (lỗ tỷ giá).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”.

Số lượng ngoại tệ trên tài khoản TGNH được theo dõi trên TK 007.

1.3.2. Chứng từ sử dụng

- Các giấy báo Có, báo Nợ, bản sao kê của Ngân hàng.
- Các chứng từ khác: Séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu...

Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán phải tiến hành kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu kế toán của đơn vị với ngân hàng thì vẫn phải ghi theo chứng từ của ngân hàng, số chênh lệch được theo dõi riêng ở tài khoản phải thu hoặc phải trả khác, đồng thời thông báo cho ngân hàng đối chiếu xác minh lại.

1.3.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản sử dụng là tài khoản 112 – TGNH
- Nội dung và kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.
- Số tiền mặt thừa ở quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái tăng khi điều chỉnh tỷ giá.

Bên Có

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ.
- Số tiền mặt thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái giảm khi điều chỉnh tỷ giá.

Số dư Nợ

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn quỹ tiền mặt.

❖ Tài khoản 112 có 3 tài khoản cấp hai:

- TK 1121 – Tiền Việt Nam: Phản ánh khoản tiền Việt Nam đang gửi tại Ngân hàng.

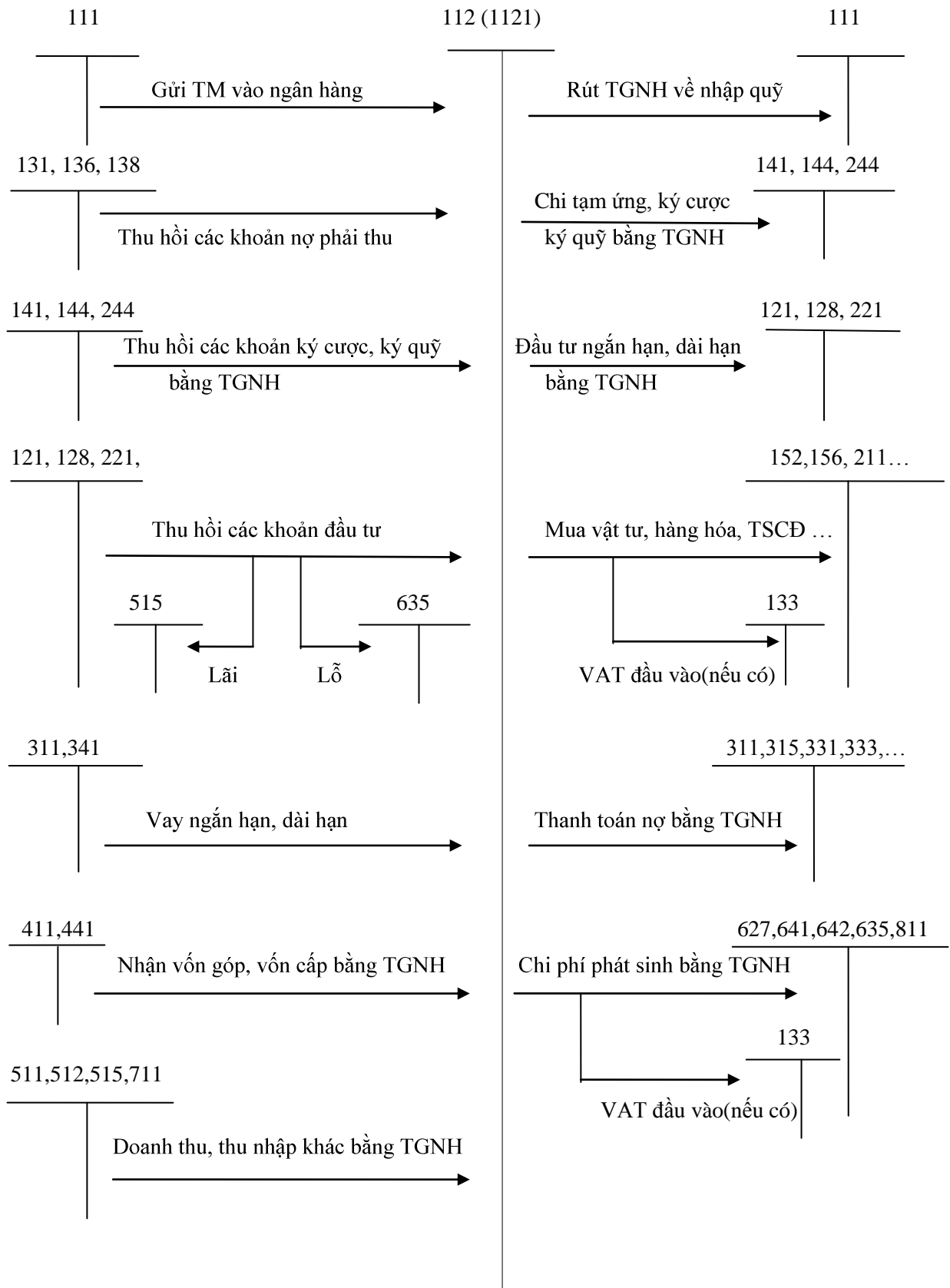
- TK 1122 – Ngoại tệ: Phản ánh các khoản ngoại tệ đang gửi tại Ngân hàng đã quy đổi ra đồng Việt Nam.

- TK 1123 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý đang gửi tại Ngân hàng.

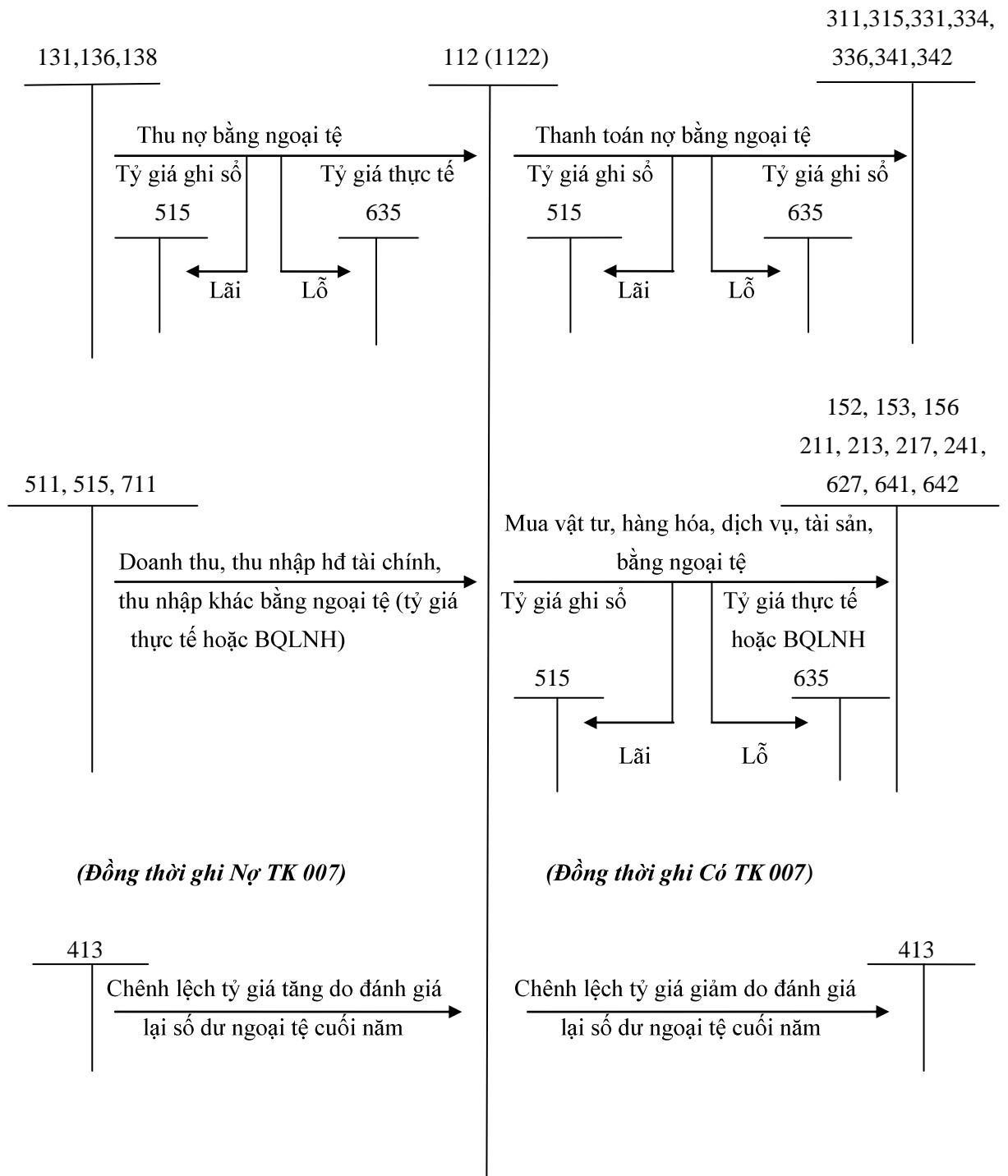
1.3.4. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán tiền gửi ngân hàng được thể hiện qua 2 sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng (VND)



Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi ngân hàng (ngoại tệ)
(Giai đoạn doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh)



1.4. Tổ chức kế toán tiền đang chuyển

1.4.1. Nguyên tắc kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển vào ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ giá trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay giấy bản sao kê của ngân hàng. Tiền đang chuyển gồm tiền ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong trường hợp:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho Ngân hàng.
- Chuyển qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hoặc giấy báo Có...

1.4.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc.
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như: séc các loại, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.

1.4.3. Tài khoản sử dụng

- Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên tài khoản 113 – “Tiền đang chuyển”.

*Nội dung và kết cấu của tài khoản này được thể hiện như sau

Bên Nợ

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền VN, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào NH nhưng chưa nhận được giấy báo Có.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Bên Có

- Số kết chuyển vào TK 112 hoặc các TK có liên quan.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền

đang chuyển cuối kỳ.

Số dư Nợ

Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

* Tài khoản 113 có 2 tài khoản cấp hai:

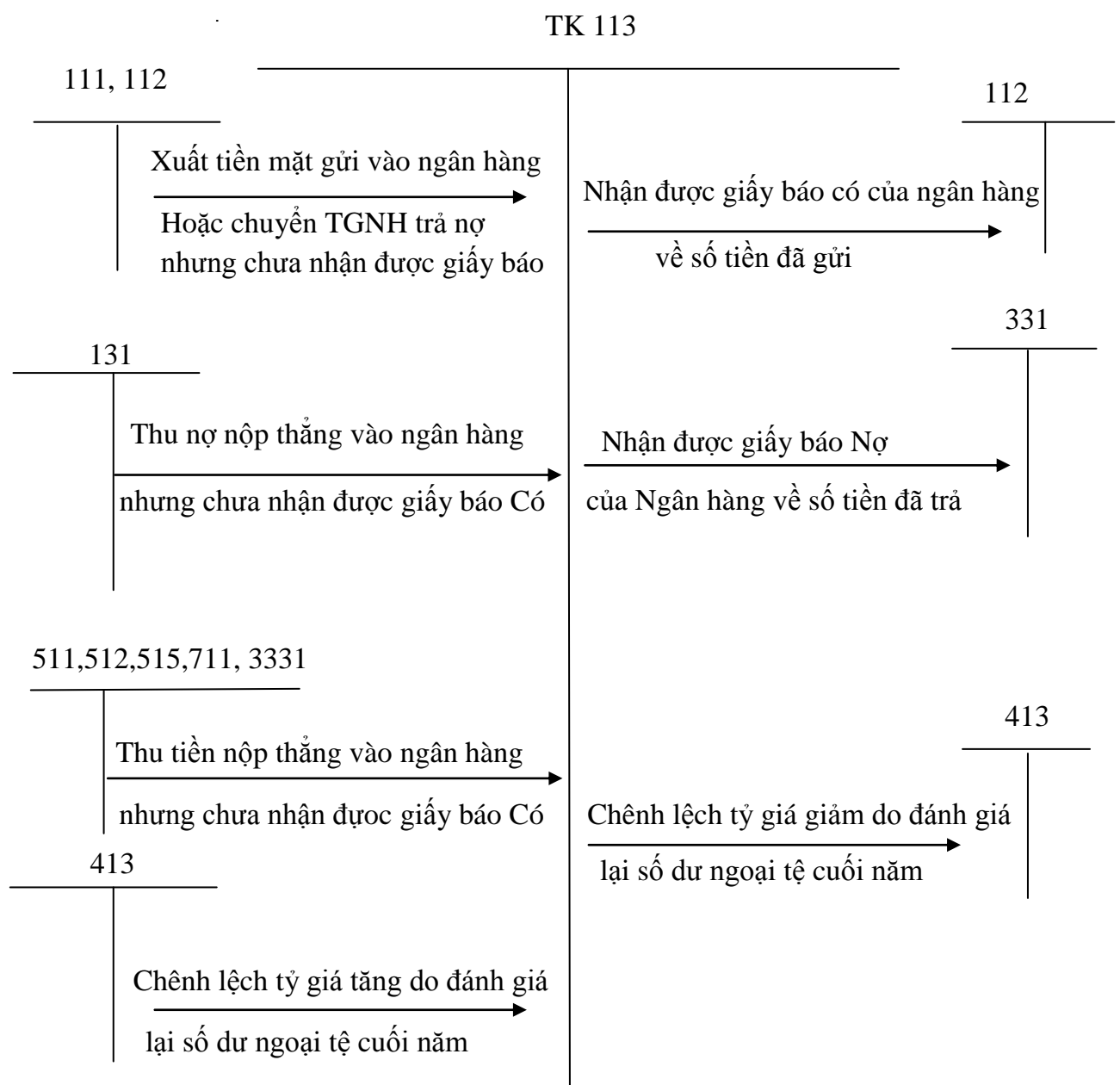
- TK 1131 – Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.

- TK 1132 – Ngoại tệ : Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

1.4.4. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền đang chuyển



1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó, gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

* Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

* Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với

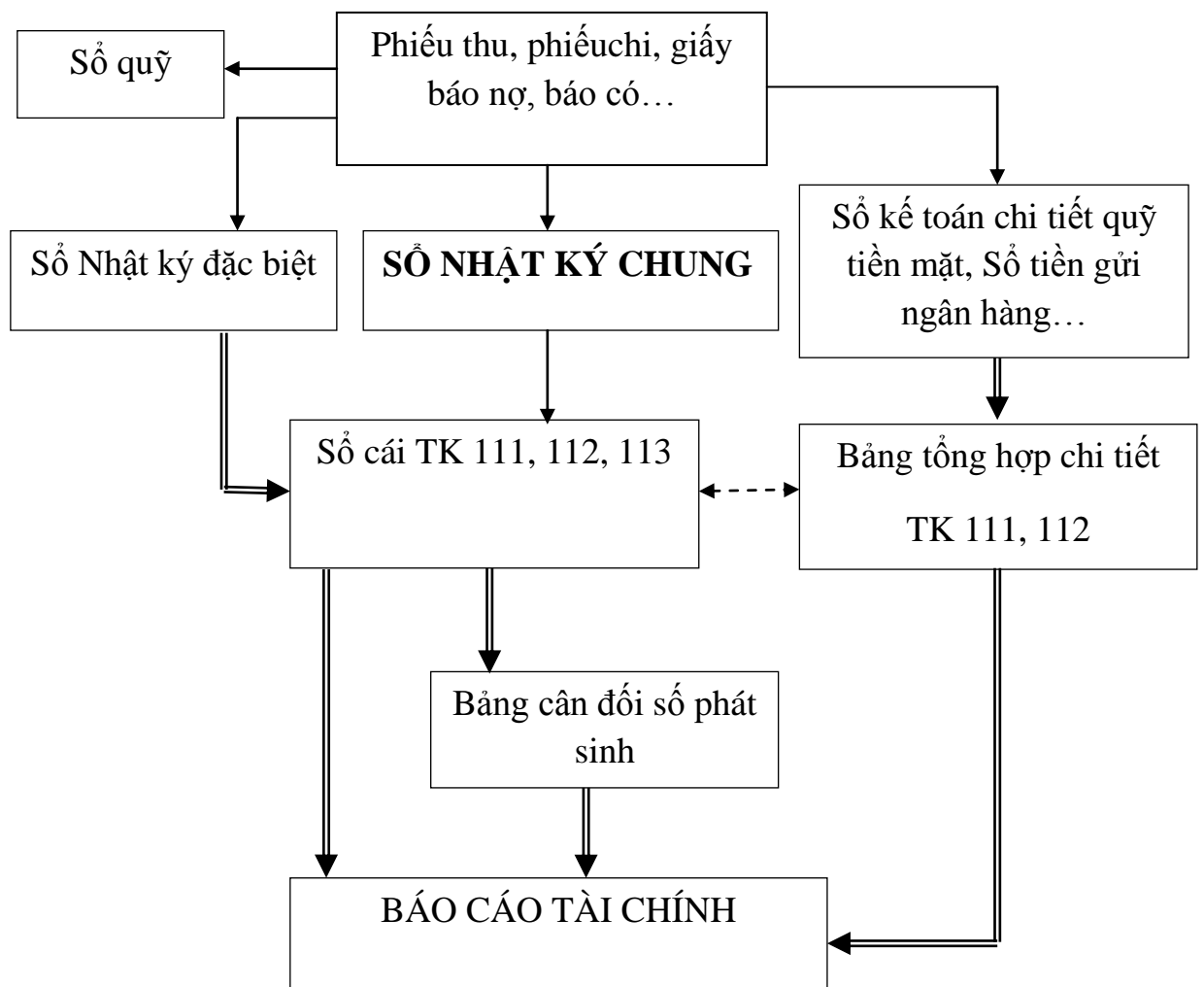
việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung:



- Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng
 $\longleftarrow\text{-----}\longrightarrow$ Quan hệ đối chiếu

1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái

* Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

* Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

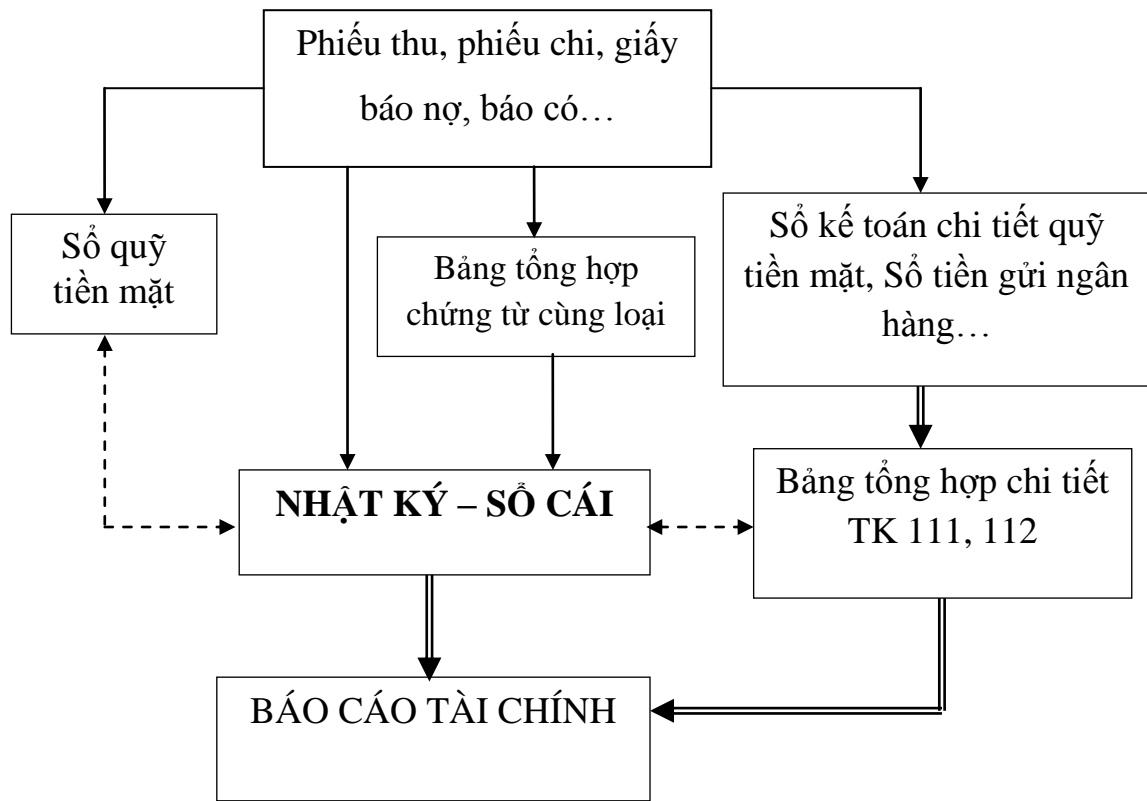
- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối

tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

**Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền
theo hình thức Nhật ký - Sổ cái**



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 =====> Ghi cuối tháng
 <-----> Quan hệ đối chiếu

1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

* Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

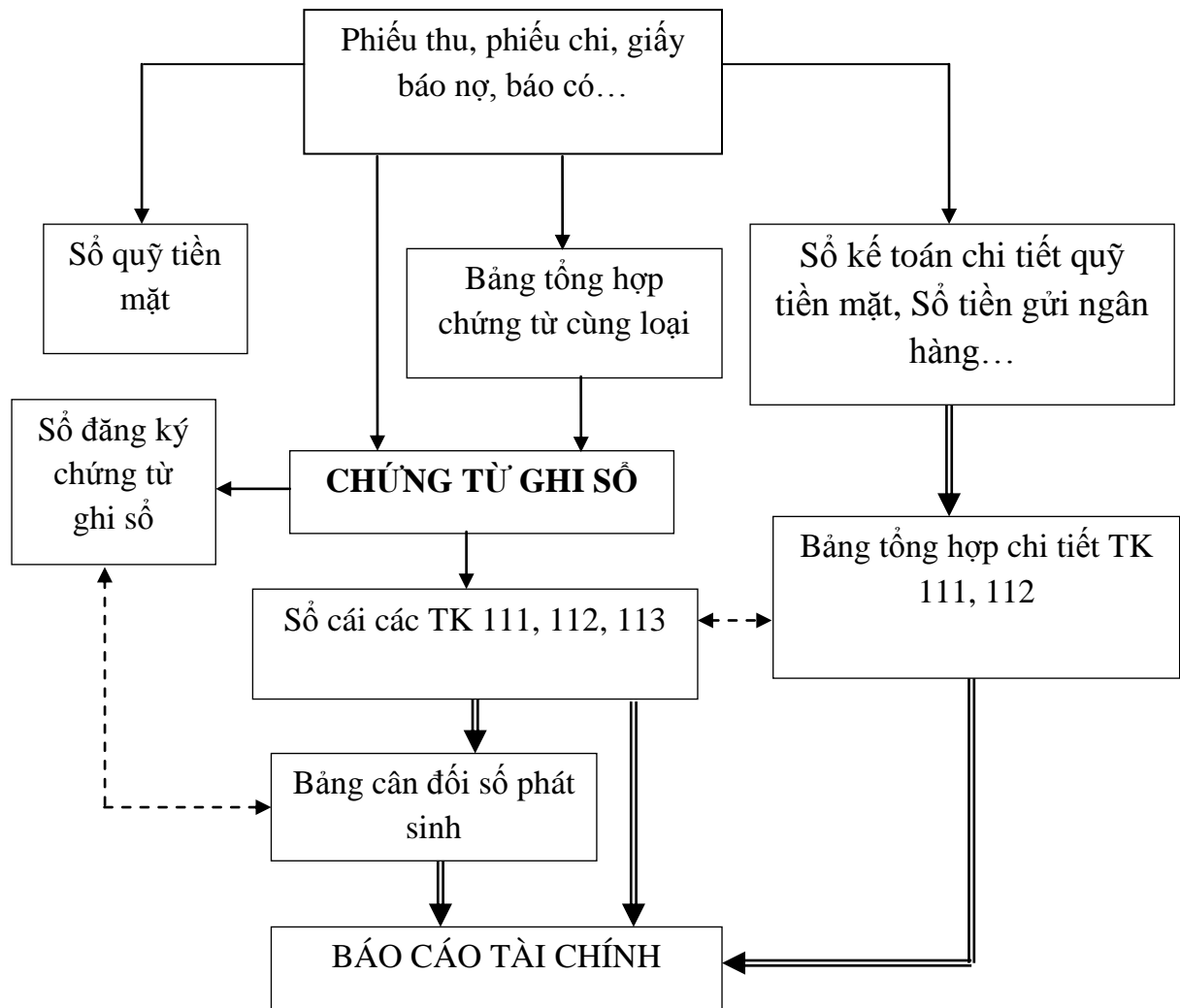
- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

****Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ***

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức**Chứng từ ghi sổ**

Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 =====> Ghi cuối tháng
 <-----> Quan hệ đối chiếu

1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ*** Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chứng từ**

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế

(theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ Cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

*** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ**

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký chứng từ có liên quan.

Đối với các Nhật ký chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký chứng từ.

- Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

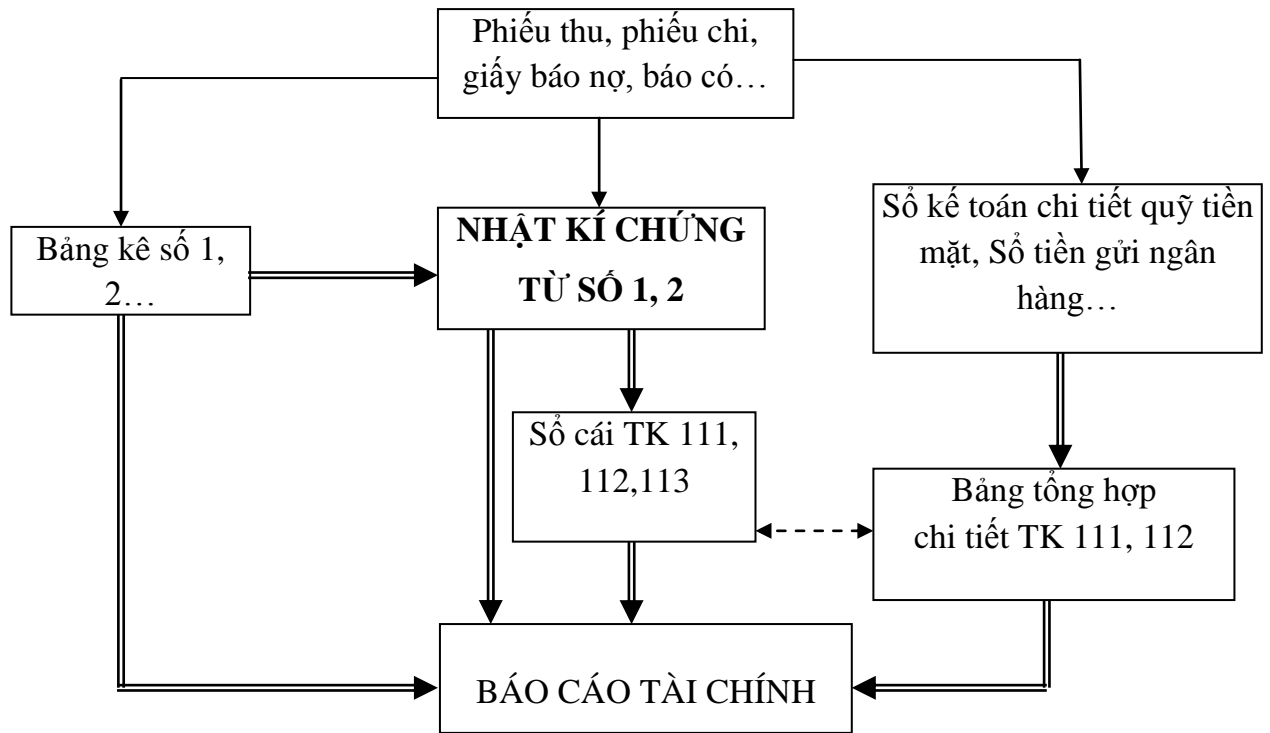
Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký

chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức

Nhật ký chứng từ:



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 = = = = => Ghi cuối tháng
 <- - - - -> Quan hệ đối chiếu

1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

*** Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính**

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

*** Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:**

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán

ghi bằng tay.

*** Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính**

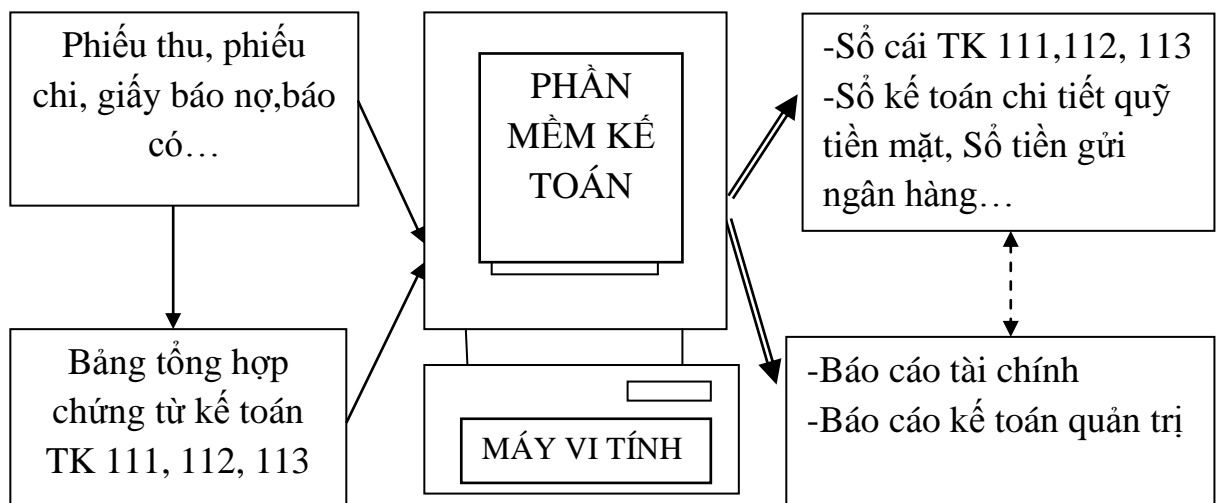
-Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức**kế toán máy**

Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO MÁY EBA

2.1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH Chế tạo máy EBA

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty TNHH chế tạo máy EBA là công ty TNHH 1 thành viên thuộc sở hữu của Công ty EBA KOGYO CO.,LTD (Nhật Bản) có tư cách pháp nhân và có con dấu riêng theo quy định.

- Tên doanh nghiệp : Công ty TNHH chế tạo máy EBA
- Tên Tiếng Anh : EBA MACHINERY CORPORATION
- Trụ sở chính : Lô N-1, N-2, N-3 Khu Công nghiệp Nomura – Xã An Hưng – Huyện An Dương – Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại : (84) 31.618684
- Fax : (84) 31.618683
- Email : eba@hn.vnn.vn
- Tài khoản Ngân hàng : 3008291.001 (USD) ; 3008291.002 (VND) tại Ngân hàng Indovina Hải Phòng.
- Mã số thuế : 0200555023

Công ty được thành lập từ năm 2003 với thời gian hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày được Ban quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp Nomura Hải Phòng cấp giấy phép đầu tư số 30/GP-KCN-HP cấp ngày 25/07/2003

Sản phẩm là: các chi tiết máy, bộ phận của máy, của ô tô và các thiết kế cho máy

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

2.1.2.1. Ngành nghề kinh doanh

Công ty TNHH chế tạo máy EBA là công ty cơ khí hoạt động sản xuất chủ yếu với hai ngành nghề kinh doanh chính:

- Chế tạo các chi tiết, các bộ phận của máy chế tạo và phụ kiện ô tô.
- Thiết kế cho máy: các thiết kế các chi tiết, các bộ phận của máy, của ô

tô và các thiết kế cho máy.

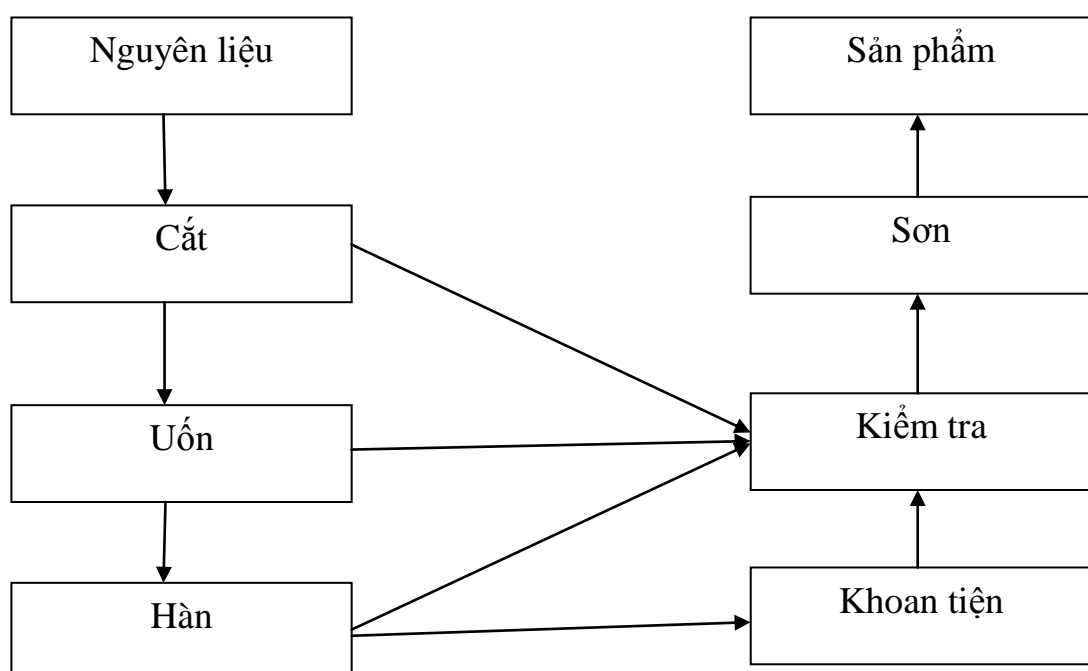
2.1.2.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật

- Công ty chế tạo máy EBA có cơ sở hạ tầng rộng với diện tích mặt bằng là 30,538 m², diện tích nhà xưởng là 20.000 m²
- Vốn kinh doanh: Tổng số vốn là 11.000.000 USD (Tính đến tháng 6/2012)
- Tổng số lao động tính đến nay là 184 người, trong đó:
 - + Trình độ đại học : 35 người
 - + Cao đẳng : 38 người
 - + Trung cấp : 55 người
 - + Phổ thông : 56 người
- Về mặt kỹ thuật: Công ty được trang bị chủ yếu là các máy móc thiết bị hiện đại với công nghệ sản xuất cao. Máy móc chủ yếu được nhập từ Nhật Bản về và một số khác mua trong nước.

+Phương tiện vận tải truyền dẫn: Công ty có sử dụng xe nâng hàng có 4 xe với trọng tải 1.5 tấn, 3 tấn, 3.5 tấn và 5 tấn phục vụ cho việc vận chuyển hàng trong xưởng.

2.1.2.3. Quy trình công nghệ

Sơ đồ 2.1. Quy trình công nghệ

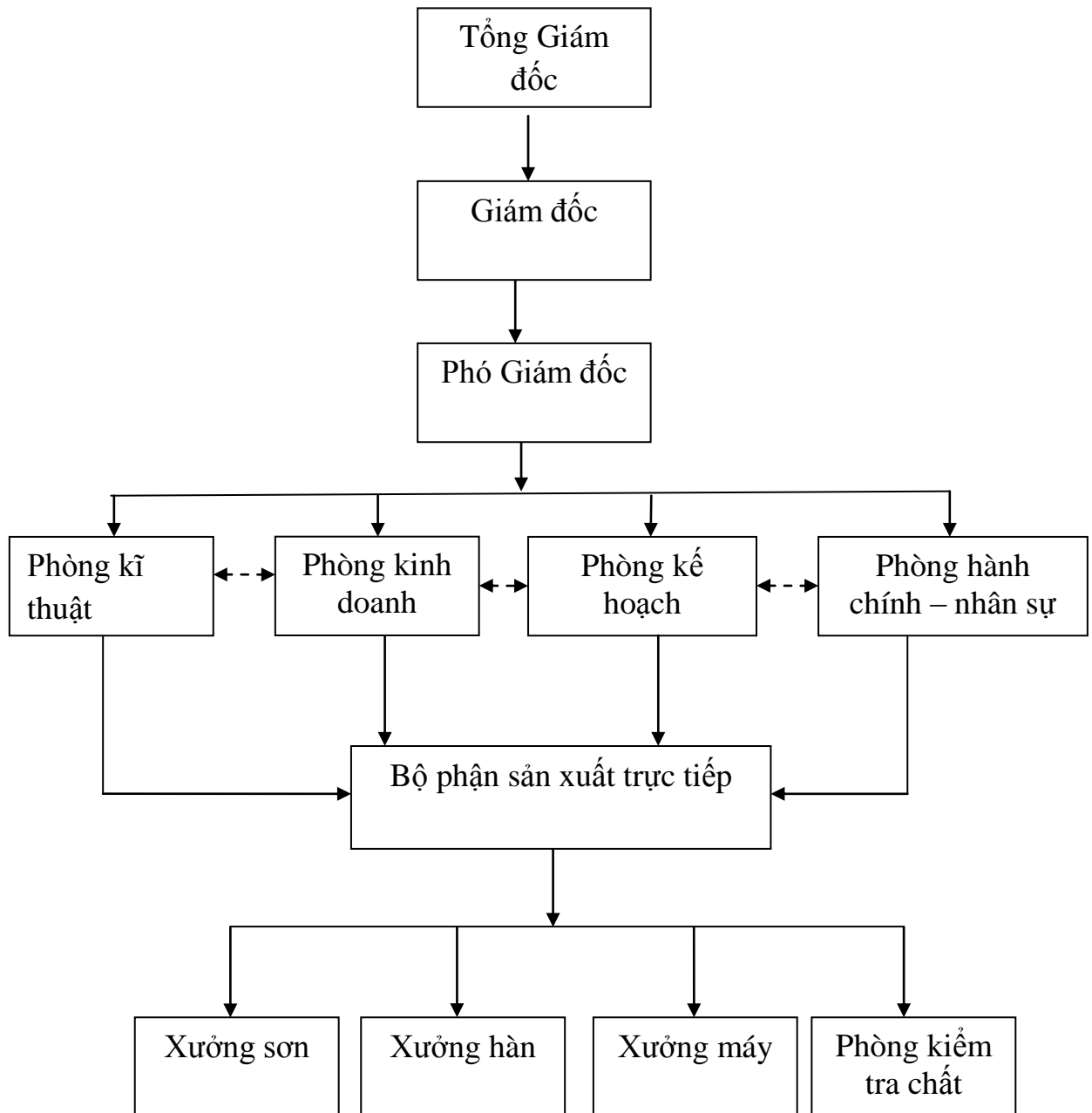


Qua sơ đồ trên, quy trình công nghệ của Công ty TNHH chế tạo máy EBA được diễn ra như sau: Nguyên liệu sau khi được nhập về được chuyển cho công đoạn cắt theo bản vẽ mà khách hàng đã đặt, sau đó chuyển cho công đoạn uốn thành hình và sang công đoạn hàn. Sau khi xong 3 công đoạn của xưởng hàn sản phẩm sẽ được chuyển sang phòng máy để khoan tiện, sản phẩm sau khi hoàn thành ở phòng Máy sẽ được chuyển đến phòng chất lượng để kiểm tra về kích thước sai số và các công đoạn yêu cầu trên bản vẽ của khách hàng để kịp thời phát hiện hàng lỗi và sửa chữa. Các công đoạn đã thực hiện xong, sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ chờ xuất và giao đến tay khách hàng.

2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường cạnh tranh vô cùng gay gắt, các doanh nghiệp muốn tồn tại đứng vững và phát triển đòi hỏi phải có bộ máy quản lý nhạy bén, sắc sảo, làm việc năng động và khoa học. Đó là nền tảng và là yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp quản lý tốt nguồn vốn, thu, chi, luồng tiền vào ra, quyết định việc kinh doanh của doanh nghiệp có hiệu quả hay không. Hiểu được tầm quan trọng của bộ phận quản lý, do vậy ban lãnh đạo đã phân chia bộ phận quản lý thành các phòng ban để phát huy hiệu quả của từng bộ phận, do đó sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức như sau:

Sơ đồ.2.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Ghi chú: \longrightarrow Quan hệ trực tuyến
 \longleftrightarrow Quan hệ chức năng

Về cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty TNHH chế tạo máy EBA: đứng đầu là Tổng Giám đốc, đến Giám đốc, Phó Giám đốc và đến các phòng ban bộ phận sản xuất trực tiếp như xưởng máy, xưởng hàn, xưởng sơn và bộ phận kiểm tra chất lượng.

- **Tổng Giám đốc:** Là người đứng đầu lãnh đạo chung toàn bộ hoạt động

của Công ty, chỉ đạo trực tiếp các phòng ban, chịu trách nhiệm pháp lý đối với mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

- **Giám đốc:** Là người giúp cho Tổng Giám đốc về chỉ đạo công tác kỹ thuật, chất lượng công trình, công tác an toàn lao động, lập kế hoạch ký kết hợp đồng kinh tế giao nhận, phụ trách tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Phó Giám đốc:** Là người giúp Giám đốc phụ trách tình hình sản xuất kinh doanh trong Công ty, thông qua việc kiểm tra công tác tài chính kế toán, tham gia nghiên cứu các bên sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, phát huy quyền làm chủ về mặt tài chính của Công ty, tìm hiểu việc làm cho toàn Công ty.

- **Phòng Kế hoạch:** Tham gia công tác lập kế hoạch sản xuất, theo dõi, đơn đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh từng tháng, quý, năm của Công ty; giải quyết các đơn đặt hàng cũ và mới; lập kế hoạch, khảo giá mua vật tư thiết bị; mở rộng công tác tiếp thị tìm việc làm, xây dựng chiến lược phát triển của Công ty.

- **Phòng Kinh doanh:** Quản lý vật tư thiết bị và công cụ, dụng cụ sản xuất; cung ứng mua, cấp, phát vật tư thiết bị theo yêu cầu của các bộ phận khác; quan hệ chặt chẽ với bên A, kiểm kê thiết bị vật tư do bên A cung cấp có đáp ứng yêu cầu xuất, phát hiện vật tư thiếu và giải quyết các phát sinh giữa các bên.

- **Phòng kỹ thuật:** Quan hệ với chủ đầu tư và các bên A-B, giải quyết các thủ tục ban đầu, nghiệm thu khối lượng sản phẩm, thanh quyết toán thu hồi vốn và ban giao đơn hàng, giải quyết hồ sơ thiết kế và duyệt các dự trữ vật tư thiết bị, theo dõi tiến độ sản xuất, đảm bảo chất lượng công trình.

- **Phòng hành chính-nhân sự:** Có chức năng tham mưu giúp Giám đốc về công tác tổ chức bộ máy quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty, công tác tuyển dụng lao động, thực hiện chế độ lao động, công tác khen thưởng cho CBCNV quản lý sử dụng con dấu, văn thư đi, đến, lưu trữ công văn giấy tờ, tổ chức phục vụ đời sống ăn ở điện nước sinh hoạt cho CBCNV, đón tiếp

khách giao dịch của Công ty.

- **Xưởng máy(xưởng cắt):** Là xưởng chủ yếu vận hành bằng máy như gia công sản phẩm khoan lỗ cho sản phẩm theo quy cách trong bản vẽ.

- **Xưởng hàn:** Là xưởng hàn các sản phẩm có liên quan vào với nhau bằng các loại máy hàn điện, ngoài ra xưởng còn có các máy cắt, máy uốn, máy dập. Máy cắt là máy được sử dụng trong công đoạn đầu tiên khi sản xuất sản phẩm, cắt các nguyên liệu ban đầu sao cho phù hợp với quy cách trong bản vẽ. Máy uốn dùng để uốn hình sản phẩm theo mẫu mã trong bản vẽ. Và cuối cùng là máy dập, dùng để xử lý những tấm thép hay sản phẩm bị cong.

- **Xưởng sơn:** xưởng sơn gần như là công đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất sản phẩm. Sau khi sản phẩm được hoàn thành thì sẽ chuyển đến xưởng sơn để sơn màu theo yêu cầu của khách hàng.

- **Bộ phận kiểm tra chất lượng:** đây là bộ phận có vai trò rất quan trọng, không thể thiếu trong Công ty. Sản phẩm sau khi được hoàn thành trước khi giao tới khách hàng phải qua bộ phận này để kiểm tra xem có đúng quy cách, tiêu chuẩn và chất lượng chưa. Sau đó sản phẩm đạt yêu cầu mới được gửi đến tay khách hàng.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH chế tạo máy EBA

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

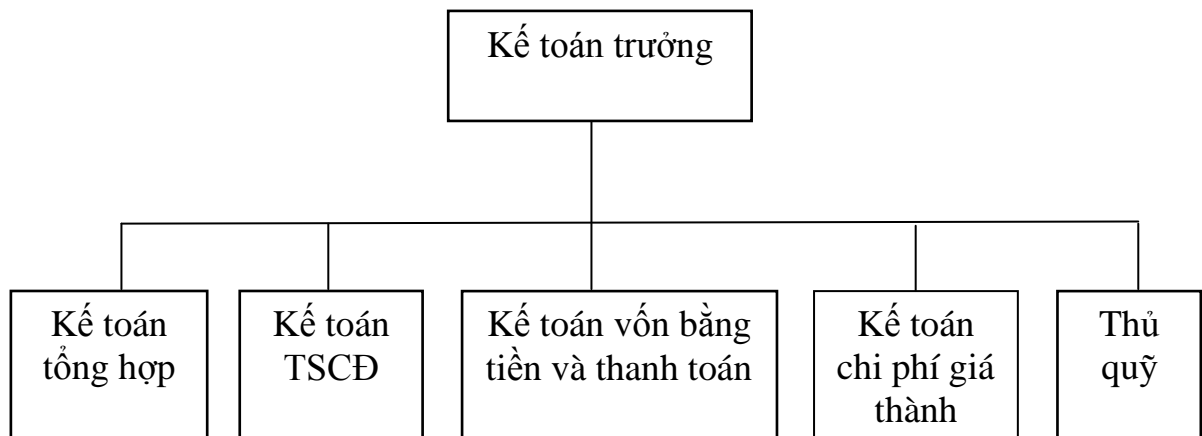
Công ty tổ chức bộ máy công tác kế toán theo mô hình tập trung. Với mô hình này toàn bộ công việc kế toán trong công ty đều được tiến hành xử lý tại Phòng Kế toán của công ty. Từ thu nhập và kiểm tra chứng từ, ghi sổ kế toán, lập các báo cáo tài chính, các bộ phận, các phòng ban chỉ lập chứng từ phát sinh gửi về Phòng Kế toán của Công ty. Do đó đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất đối với công tác chuyên môn, kiểm tra xử lý các thông tin kế toán kịp thời, chặt chẽ, thuận lợi cho việc phân công lao động và chuyên môn hóa nâng cao năng suất lao động.

Ở công ty TNHH chế tạo máy EBA ngoài kế toán trưởng còn có 4 nhân viên kế toán (Có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên). Vì mỗi nhân viên đều đảm nhận phần việc quan trọng nên đòi hỏi phải có sự cố gắng và tinh

thần trách nhiệm cao trong công việc.

Bộ máy kế toán trong công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3. Tổ chức bộ máy công tác kế toán



** Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong bộ máy kế toán*

- **Kế toán trưởng**: Là người tổ chức và chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của công ty. Nhiệm vụ của kế toán trưởng:

+ Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, hợp lý, phù hợp với quy mô phát triển của Công ty và theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

+ Phân công lao động kế toán hợp lý, hướng dẫn toàn bộ công việc kế toán trong phòng kế toán, đảm bảo cho từng bộ phận kế toán, từng nhân viên kế toán phát huy được khả năng chuyên môn, tạo sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận kế toán có liên quan, góp phần thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của kế toán cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để phục vụ cho việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

+ Tổ chức kiểm kê định kỳ tài sản, vật tư, tiền vốn, xác định giá trị tài sản theo mặt bằng thị trường.

+ Chịu trách nhiệm lập và nộp báo cáo quyết toán thống kê với chất lượng cao. Tổ chức bảo quản, lưu giữ tài liệu chứng từ, lưu giữ bí mật số liệu theo quy định của nhà nước.

- **Kế toán tổng hợp**: Có nhiệm vụ chủ yếu là tổ chức, kiểm tra, tổng hợp lập báo cáo tài chính của Công ty, giúp kế toán trưởng tổ chức bảo quản, lưu

trữ hồ sơ, tài liệu kế toán. Tổ chức kế toán tổng hợp và các chi tiết nội dung hạch toán còn lại như: nguồn vốn kinh doanh, các quỹ doanh nghiệp. Mặt khác kế toán tổng hợp còn kiêm luôn nhiệm vụ kế toán tiền lương.

- **Kế toán TSCĐ:** Có nhiệm vụ chủ yếu là phản ánh số hiện có, tình hình tăng giảm, tình hình sử dụng xe ô tô và các TSCĐ khác của Công ty, tính khấu hao, theo dõi sửa chữa, thanh lý, nhượng bán xe ô tô và các TSCĐ khác của công ty và còn có nhiệm vụ thanh toán công nợ và thanh toán với Nhà nước.

- **Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán:** Theo dõi và hạch toán kế toán vốn bằng tiền, tài sản cố định và tài sản lưu động, nguồn vốn và các quỹ đơn vị, theo dõi chi phí và các khoản công nợ nội bộ, thanh toán với ngân sách Nhà nước và phân phối lợi nhuận.

- **Kế toán chi phí giá thành:** Hằng tháng tập hợp tất cả các chi phí sản xuất phát sinh ở các bộ phận, tiến hành phân bổ chi phí sản xuất và tính giá thành cho từng sản phẩm.

- **Thủ quỹ:** có nhiệm vụ chủ yếu sau:

+ Bảo quản tiền mặt, thu tiền và thanh toán chi trả cho các đối tượng theo các chứng từ được duyệt.

+ Hàng tháng vào sổ quỹ, lên các báo cáo quỹ, kiểm kê số tiền thực tế theo kết phải khớp với số dư trên báo cáo quỹ. Thủ quỹ phải có trách nhiệm bồi thường khi để xảy ra thất thoát tiền mặt do chủ quan gây ra và phải nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý tiền mặt.

+ Hàng tháng tổ chức đi thu tiền ở các tổ chức hay cá nhân còn thiếu và rút tiền ở ngân hàng về nhập quỹ.

2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

- Là một doanh nghiệp hạch toán độc lập, Công ty TNHH chế tạo máy EBA đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng

năm.

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc

- Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: theo giá bình quân gia quyền liên hoàn.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

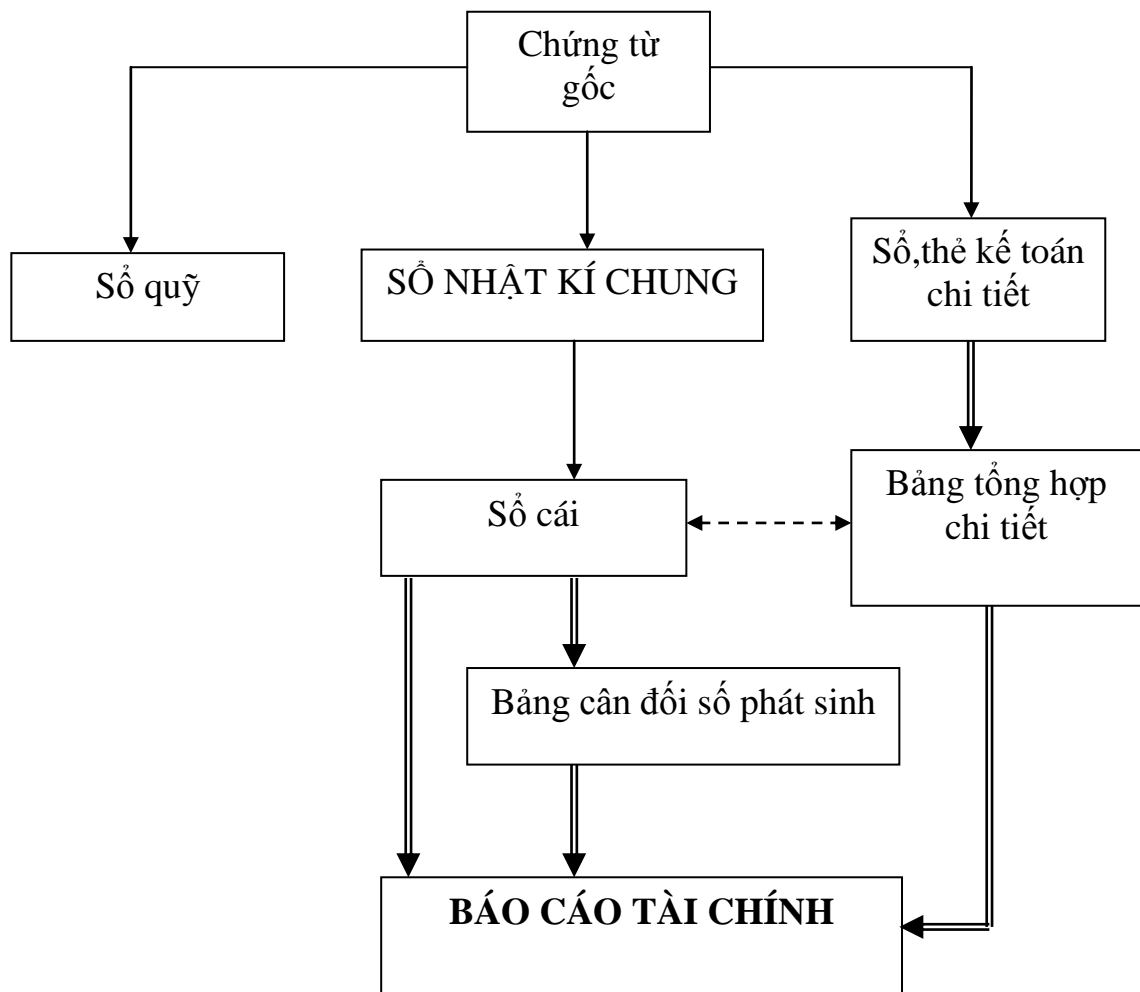
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: phương pháp đường thẳng

2.1.4.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán tại Công ty.

- Công ty áp dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

2.1.4.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán

Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự kế toán

Ghi chú:

- : Ghi chép hằng ngày
- ⇒ : Ghi chép cuối tháng hoặc cuối kỳ
- ⇔ : Quan hệ kiểm tra đối chiếu

Trình tự ghi sổ:

- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh và vào Báo cáo tài chính

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính tại công ty.

Hệ thống báo cáo tài chính theo quy định hiện hành bao gồm 04 loại:

- Bảng Cân đối kế toán (B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (B09-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03-DN)

2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Chế tạo máy EBA

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng

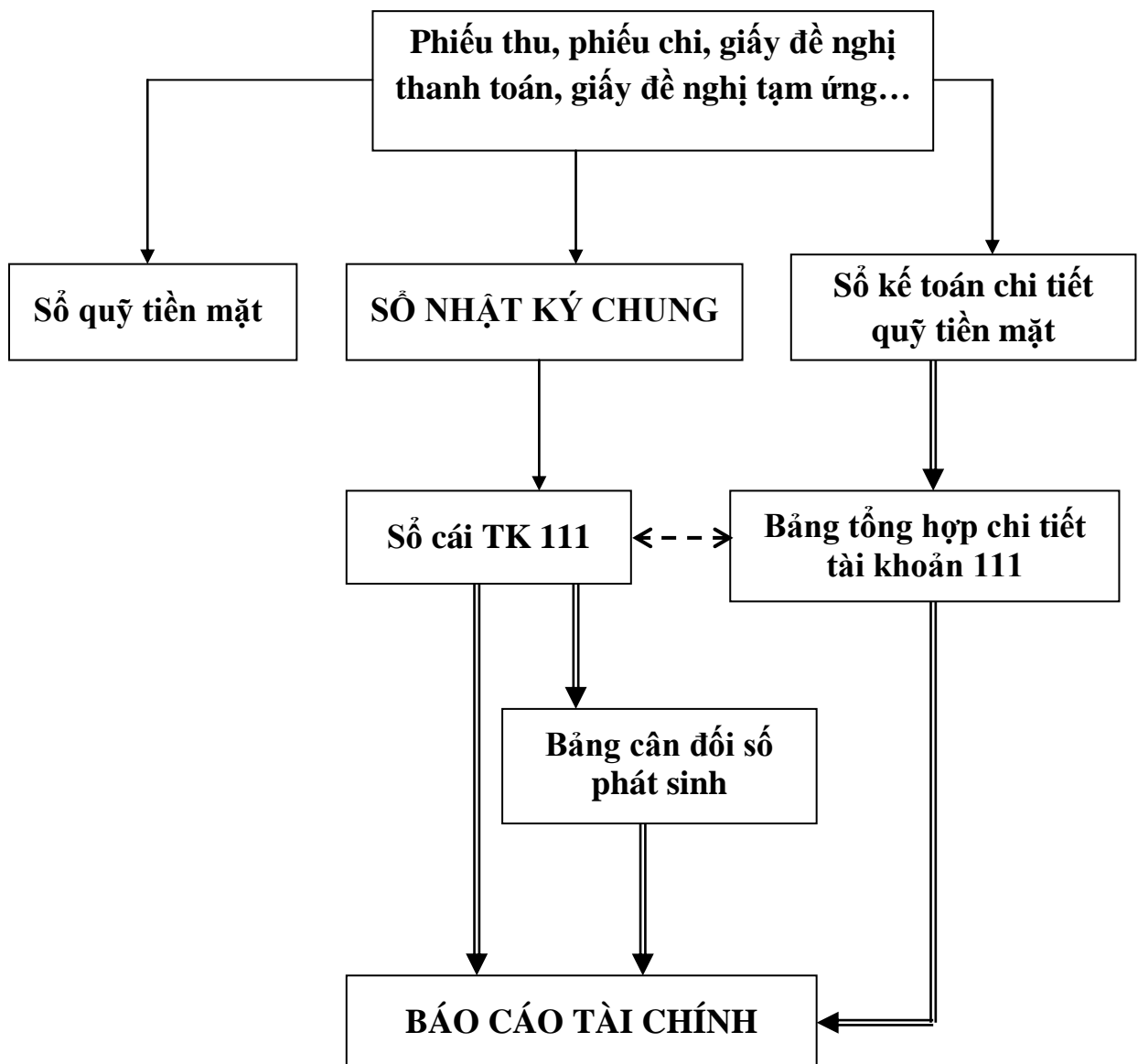
- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 - TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán
- Các chứng từ khác có liên quan...

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng

- ❖ Tài khoản sử dụng là TK 111: “Tiền mặt”.
- ❖ Tài khoản 111 có 2 tài khoản cấp hai:
 - TK 1111 – Tiền Việt Nam: phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.
 - TK 1112 – Ngoại tệ: phản ánh tình hình thu, chi, điều chỉnh tỷ giá hối đoái, tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt quy đổi theo đồng Việt Nam.

2.2.1.3. Quy trình hạch toán

**Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán tiền tại quỹ của Công ty TNHH
chế tạo máy EBA**



Ghi chú:

Ghi hằng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ kiểm tra đối chiếu: \longleftrightarrow

✓ *Giải thích qui trình kế toán:*

Khi có nghiệp vụ thu chi tiền mặt xảy ra, kế toán sẽ căn cứ vào hoá đơn bán hàng hoặc mua hàng để lập phiếu thu, phiếu chi; sau đó phiếu thu hoặc phiếu chi sẽ được chuyển cho thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ thanh toán,

đồng thời ghi số quỹ. Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các nhật ký chung hoặc bảng kê, số chi tiết có liên quan, cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các nhật ký chung, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các nhật ký chung ghi trực tiếp vào sổ Cái

Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Sổ Nhật ký chung, bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Tại Quỹ Tiền mặt của Công ty, chỉ quản lý tiền mặt đồng Việt Nam giao cho Thủ quỹ giữ, Thủ quỹ sẽ là người quản lý quỹ tiền mặt và chịu trách nhiệm mọi pháp lý. Thủ quỹ chỉ được xuất, nhập quỹ tiền mặt khi có lệnh thu chi của Giám đốc ủy quyền cho Kế toán trưởng công ty. Mọi khoản thu chi tiền mặt phải có Phiếu thu-chi và có đủ chữ ký của người giao, người nhận, người cho phép (Kế toán trưởng) sau khi đã thu-chi tiền, Thủ quỹ đóng dấu “ĐÃ THU TIỀN”. Cuối ngày căn cứ vào thu – chi để ghi vào sổ quỹ, sau đó chuyển chứng từ cho kế toán tổng hợp để vào sổ kế toán bằng tiền. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tiền quỹ thực tế và đối chiếu với sổ chi tiết tiền mặt.

Các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến quỹ tiền mặt của công ty là: rút tiền gửi Ngân hàng về quỹ, tạm ứng, hoàn tạm ứng, chi trả lương cho công nhân viên, chi mua thiết bị văn phòng, chi các dịch vụ như là mua xăng, quảng cáo, tiếp khách, chi trả xây lắp xây dựng cơ bản... phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các chứng từ thường được sử dụng ở đây là phiếu thu, phiếu chi, sau khi thủ quỹ nhận các chứng từ phiếu thu, phiếu chi sẽ nhập tiền vào quỹ hoặc xuất quỹ và vào sổ quỹ theo dõi riêng đối với quỹ tiền mặt. Thủ quỹ sẽ chuyển các chứng từ thu và chi tới kế toán tổng hợp để vào sổ chi tiết tiền mặt và vào sổ cái TK 111. Hàng ngày thủ quỹ đối chiếu giữa sổ quỹ và sổ chi tiết tiền mặt với sổ tiền thực tế của quỹ. Nếu phát hiện chênh lệch thì phải báo ngay với kế toán tổng hợp và kế toán trưởng để tìm ra nguyên nhân, có biện pháp xử lý kịp thời.

2.2.1.4. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 01/06/2012, tạm ứng 2.000.000 đồng tiền mặt cho nhân viên Nguyễn Duy Trọng – Phòng kinh doanh để sửa chữa đường ống nước.

- Từ giấy đề nghị tạm ứng (**Biểu 2.1**) và Phiếu đề nghị sửa chữa (**Biểu 2.2**) của nhân viên Nguyễn Duy Trọng - Phòng kinh doanh.

- Kế toán viết Phiếu chi số PC 001/06 (**Biểu 2.3**), chuyển cho Thủ quỹ xuất quỹ tiền mặt cho nhân viên

Ví dụ 2: Ngày 04/06/2012, rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt, số tiền 150.000.000 đồng

- Căn cứ vào Giấy báo nợ (**Biểu 2.4**) từ ngân hàng

- Kế toán tiến hành viết Phiếu thu số PT 001/06 (**Biểu 2.5**) rồi chuyển tiền và Phiếu thu cho Thủ quỹ nhập tiền.

Ví dụ 3 : Ngày 30/06/2012, thanh toán lương tháng 6 cho xưởng hàn, số tiền 169.487.545 đồng.

- Kế toán viết Phiếu chi số PC 236/06 (**Biểu 2.6**), chuyển cho Thủ quỹ xuất quỹ tiền mặt cho nhân viên

- Khi thủ quỹ nhận được chứng từ sẽ vào Sổ quỹ tiền mặt (**Biểu 2.7**)

- Từ các Phiếu thu, Phiếu chi kế toán ghi sổ tiền hành vào Sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.8**) và Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt (**Biểu 2.9**)

- Từ Sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 111 (**Biểu 2.10**)

- Cuối tháng, từ Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt kế toán tiến hành lập Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 111- Tiền mặt (**Biểu 2.11**)

- Cuối năm, từ Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản kế toán tiến hành lập Bảng cân đối số phát sinh và vào các Báo cáo tài chính.

Biểu 2.1

Mẫu số 03-TT

CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO MÁY EBA
LÔ N1-N3, KHU CN NOMURA, HẢI PHÒNG

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PAY IN ADVANCE SUGGESTION

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Date: 01/06/2012

Requestor's name/Họ tên người đề nghị: ***Nguyễn Duy Trọng***

Department/Bộ phận: ***Phòng Kinh doanh***

Suggest the advance amount/Đề nghị tạm ứng số tiền: ***2.000.000 đồng***

In finger/Số tiền bằng chữ: ***Hai triệu đồng chẵn./***

Reason of advance/Lý do tạm ứng: ***Sửa ống nước***

Payment valid/Thời hạn thanh toán: 02/06/2012

Director

Chief Accountant

Head of Department

Requestor

Giám đốc

Kế toán trưởng

Trưởng Bộ phận

Người đề nghị

Biểu 2.2


| 依頼書 Request Phiếu đề nghị |  EBA Machinery Corporation | | | | EMC-SAL-PRO-002-F02 | | | |
|---|--|---|--------------------------|----------------------------|--|-----------------------------|-------------------------|----|
| 購入依頼書 Purchase Request PHIẾU ĐỀ NGHỊ SỬA CHỮA | | | | | | | | |
| 申請者 Issuer Người y/cầu | Nguyễn Duy Trọng | 申請部 署 G of Issue Nhóm y/cầu | 経営 部 Kinh Doanh | 確認 Conf. Xác nhận | 申請日 Issued Date Ngày y/cầu | 01/06/12 | 承認 Appr. Xác nhận | |
| QAの確認有無 (品質、環境に係わる物質であるかの確認) Need QA Review? (Is this matter related to Q or E?) Có cần phòng QA xác nhận không(xác nhận khi vật chất liên quan đến chất lượng, môi trường) | | | | | | Yes | No | |
| No. | 品名 Name Tên sản phẩm | 規格、型式 Type, Requirements Quy cách, kiểu | メーカー Maker Hãng | 数量 Qty Số lượng | 希望納期 Date Kì hạn | 予想価格 Cost Giá dự đoán | 購入可否 Arrp. Mua | |
| 1 | Sửa ống nớc | | | | | 2.000.000 | Yes | No |
| | | | | | | | Yes | No |
| | | | | | | | Yes | No |
| | Tạm ứng ngày | 01/06/12 : 2.000.000đồng | | | | | Yes | No |
| | | | | | | | Yes | No |

書類の流れ、The Flow of this heet. Luân chuyển các tài liệu



| | | | | |
|------------------|----------------------------|--------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| 受取確認 Received | 購買 Purchaser Mua vào | 会計 Account Kế toán | QA(If need be) QA (Nếu cần) | 発行者 Issuer Người yêu cầu |
|------------------|----------------------------|--------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|


Biểu 2.3

| | | | | | |
|--|--|---|--|--|--|
|  | | PAYMENT VOUCHER | | Mẫu số 02-TT | |
| | | | | Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC | |
| EBA MACHINERY CORPORATION. | | PHIẾU CHI | | | |
| <i>Land Plot N1-2-3 NOMURA, HAIPHONG.</i> | | Ngày 01 Tháng 06 Năm 2012 | | | |
| | | Số:001/06 | | | |
| | | Debit : 141 | | Credit : 111 | |
| | | Nợ TK | | Có TK | |
| Họ và tên ng- ời nhận tiền : Nguyễn Duy Trọng - E019 (Full name of receiver) | | | | | |
| Địa chỉ : Công ty TNHH chế tạo máy EBA (Address) | | | | | |
| Lý do chi : Tạm ứng tiền sửa ống n- óc (Reason of payment) Advance | | | | | |
| Số tiền : 2.000.000 VND (Amount) | | Viết bằng chữ : Hai triệu đồng chẵn./. (In words) | | | |
| Kèm theo : (Accompaniment) | | Chứng từ gốc (Original document) | | | |
| Đã nhận đủ tiền: Hai triệu đồng chẵn./. (Received enough money) | | | | | |
| NGƯỜI LẬP BIỂU (Ký, họ tên) (Prepared by) | NGƯỜI NHẬN TIỀN (Ký, họ tên) (Received by) | THỦ QUỸ (Ký, họ tên) (Cashier) | KẾ TOÁN TRƯỞNG (Ký, họ tên) (Chief accountant) | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ (Ký, họ tên) (G.Director) | |

Biểu 2.4

|  | | GIẤY BÁO NỢ DEBIT ADVICE | | Số /Seq No: 001 Ngày/Date: 04/06/12 |
|---|--------------------------|---|---|--|
| Số tài khoản/Account No: 3008291.001 | | | | |
| Tên tài khoản/Account name: | | | | |
| Kính gửi/To: Công ty TNHH chế tạo máy EBA | | | Ngân Hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý Khách Hàng đã đợc ghi nợ với nội dung sau: <i>Please note that we have today DEBIT your account with the following entries:</i> | |
| Ngày hiệu lực <i>Effective Date</i> | Số tiền <i>Amount</i> | Loại tiền <i>Currency</i> | Diễn giải/particulars | |
| 04/06/12 | 150.000.000 | VND | Hoàng Hồng Hải rút tiền mặt | |
| Số tiền bằng chữ (Amount in word): Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn./. | | | | |
| Giao dịch viên/Prepared by | | | Kiểm soát/Verified by | |

Biểu 2.6

| | | | | | | |
|--|----------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------------|--|
|  | | PAYMENT VOUCHER | | | Mẫu số 02-TT | |
| EBA MACHINERY CORPORATION. | | PHIẾU CHI | | | Ban hành theo QĐ số | |
| <i>Land Plot NI-2-3 NOMURA, HAIPHONG.</i> | | Ngày 30 Tháng 06 Năm 2012 | | | 15/2006/QĐ-BTC ngày | |
| | | Số: 236/06 | | | 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC | |
| | | Debit : 334 | | Credit : 1111 | | |
| | | Nợ TK | | Có TK | | |
| Họ và tên người nhận tiền : Trần Đức Độ- E027 | | | | | | |
| (Full name of receiver) | | | | | | |
| Địa chỉ : Công ty TNHH chế tạo máy EBA | | | | | | |
| (Address) | | | | | | |
| Lý do chi : Thanh toán tiền lương tháng 06/2012 cho xưởng hàn | | | | | | |
| (Reason of payment) | | | | | | |
| Số tiền : 169.487.545 VND | | | | | | |
| Viết bằng chữ : Một trăm sáu chín triệu bốn trăm tám bảy nghìn năm trăm bốn lăm đồng ./. | | | | | | |
| (Amount) | | | (In words) | | | |
| Kèm theo : | | | | Chứng từ gốc | | |
| (Accompaniment) | | | | (Original document) | | |
| Đã nhận đủ tiền: Một trăm sáu chín triệu bốn trăm tám bảy nghìn năm trăm bốn lăm đồng ./. | | | | | | |
| (Received enough money) | | | | | | |
| NGƯỜI LẬP BIỂU | NGƯỜI NHẬN TIỀN | THỦ QUỸ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ | | |
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | | |
| (Prepared by) | (Received by) | (Cashier) | (Chief accountant) | (G.Director) | | |

Biểu 2.7

Mẫu số: S07-DN

Công ty TNHH chế tạo máy EBA
KCN Nomura, An Dương, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Loại quỹ : VND

Năm 2012

| Ngày tháng ghi số | Ngày chứng từ | CT | | Diễn giải | Số tiền | | |
|-------------------|---------------|--------|--------|-----------------------------------|---------------|---------------|---------------------------|
| | | Thu | Chi | | Thu | Chi | Tồn |
| | | | | Số dđ đầu T6 | | | 886.735.000 |
| 01/06 | 01/06 | | 001/06 | Tạm ứng sửa đường ống nước | | 2.000.000 | 884.735.000 |
| 01/06 | 01/06 | | 003/06 | Tạm ứng dầu diezel | | 80.000.000 | 804.735.000 |
| 02/06 | 02/06 | | 016/06 | Hỗ trợ kinh phí mua sắm TBVP | | 26.468.520 | 778.266.480 |
| 03/06 | 03/06 | | 019/06 | Tiếp khách | | 3.000.000 | 775.266.480 |
| 04/06 | 04/06 | 001/06 | | Rút tiền gửi NH về quỹ | 150.000.000 | | 925.266.480 |
| | | ... | | | ... | ... | |
| 30/06 | 30/06 | | 236/06 | Thanh toán lương T6 cho xưởng hàn | | 169.487.545 | 693.045.310 |
| 30/06 | 30/06 | | 237/06 | Hỗ trợ xây nhà tình nghĩa | | 80.000.000 | 773.045.310 |
| | | | | Số phát sinh T6 | 3.432.555.960 | 3.546.245.650 | |
| | | | | Số dư cuối T6 | | | <u>773.045.310</u> |

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.8

Mẫu số: S03a-DN

Công ty TNHH chế tạo máy EBA

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

KCN Nomura An Đông Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

| Ngày | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | | Số phát sinh | |
|-------|-----------------|-------|--------------------------------------|-----------------------|------|-----------------------|-----------------------|
| | Số hiệu | Ngày | | | | Nợ | Có |
| 01/06 | PC 001/06 | 01/06 | Tạm ứng sửa ống nước | 141 | | 2.000.000 | |
| | | | | | 1111 | | 2.000.000 |
| 01/06 | PC 002/06 | 01/06 | Khen thưởng công nhân xuất sắc | 334 | | 25.550.000 | |
| | | | | | 1111 | | 25.550.000 |
| 01/06 | PC 003/06 | 01/06 | Tạm ứng tiền mua dầu diezel | 331 | | 80.000.000 | |
| | | | | | 1111 | | 80.000.000 |
| | | | | | | | |
| 04/06 | PT 001/06 | 04/06 | Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ | 1111 | | 150.000.000 | |
| | | | | | 1121 | | 150.000.000 |
| 04/06 | PC 026/06 | 04/06 | Tiền nước tháng T5 | 627 | | 3.550.000 | |
| | | | | | 1111 | | 3.550.000 |
| ... | | ... | | | | | |
| 17/06 | BC 003/06 | 17/06 | BHXH chuyển tiền QII/2012 | 1121 | | 13.678.300 | |
| | | | | | 338 | | 13.678.300 |
| 18/06 | BC\$ 001/06 | 18/06 | Công ty GE trả tiền hàng | 1122 | | 5.202.833.740 | |
| | | | | | 131 | | 5.202.833.740 |
| | | | | | 1122 | | 3.749.700 |
| | | | | | 515 | | 3.749.700 |
| 18/06 | BNS\$ 003/06 | 18/06 | Trả lãi(KU01269) | 635 | | 1.383.513 | |
| | | | | | 112 | | 1.383.513 |
| 18/06 | PT 004/06 | 18/06 | Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ | 1111 | | 991.525.000 | |
| | | | | | 1121 | | 991.525.000 |
| 18/06 | BNS\$ 012/06 | 18/06 | Bán ngoại tệ | 1121 | | 1.814.144.332 | |
| | | | | | 1122 | | 1.814.144.332 |
| | | | Bán ngoại tệ | 1121 | | 1.307.460 | |
| | | | | | 515 | | 1.307.460 |
| | | | | | | | |
| 30/06 | PC 236/06 | 30/06 | Thanh toán lương T6 cho xưởng hàn | 334 | | 169.487.545 | |
| | | | | | 1111 | | 169.487.545 |
| 30/06 | PC 237/06 | 30/06 | Hỗ trợ xây nhà tình nghĩa | 138 | | 80.000.000 | |
| | | | | | 1111 | | 80.000.000 |
| | | | Cộng | | | 69.242.512.355 | 69.242.512.355 |

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.9

Công ty TNHH chế tạo máy EBA
KCN Nomura An Dương Hải Phòng

Mẫu số: S07a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản: 1111

Loại quỹ: VND

Năm 2012

| Ngày tháng ghi sổ | Ngày tháng chứng từ | Số hiệu chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | | Số tồn |
|-------------------|---------------------|------------------|-----------|-----------------------------------|------------|---------------|---------------|--------------------|
| | | Thu | Chi | | | Nợ | Có | |
| | | | | Số tồn đầu T6 | | | | 886.735.000 |
| | | | | Số phát sinh trong T6 | | | | |
| 01/06 | 01/06 | | PC 001/06 | Tạm ứng sửa ống nước | 141 | | 2.000.000 | 884.735.000 |
| 01/06 | 01/06 | | PC 003/06 | Tạm ứng tiền mua dầu diesel | 331 | | 80.000.000 | 804.735.000 |
| 02/06 | 02/06 | | PC 016/06 | Hỗ trợ kinh phí mua sắm TBVP | | | 26.468.520 | 778.266.480 |
| 03/06 | 03/06 | | PC 019/06 | Tiếp khách | | | 3.000.000 | 775.266.480 |
| 04/06 | 04/06 | PT 001/06 | | Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ | | 150.000.000 | | 925.266.480 |
| | | ... | | | | | | |
| 30/06 | 30/06 | | PC 236/06 | Thanh toán lương T6 cho xưởng hàn | 3341 | | 169.487.545 | 693.045.310 |
| 30/06 | 30/06 | PC 237/06 | | Hỗ trợ xây nhà tình nghĩa | 1388 | | 80.000.000 | 773.045.310 |
| | | | | Cộng số phát sinh trong T6 | | 3.432.555.960 | 3.546.245.650 | |
| | | | | Số tồn cuối T6 | | | | 773.045.310 |

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.10

Công ty TNHH chế tạo máy EBA
KCN Nomura An Dương Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2012

Tài khoản 111 – Tiền mặt

Đơn vị tính: đồng

| Ngày | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|-------|------------|-------|-----------------------------------|--------------------|----------------------|-----------------------------|
| | Số hiệu | Ngày | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu T6 | | | <u>1.614.062.939</u> |
| | | | Số phát sinh trong tháng 6 | | | |
| 01/06 | PC 001 /06 | 01/06 | Tạm ứng sửa ống nước | 141 | | 2.000.000 |
| 01/06 | PC 003 /06 | 01/06 | Tạm ứng tiền mua dầu diesel | 331 | | 80.000.000 |
| | | | ... | | | |
| 04/06 | PT 001 /06 | 04/06 | Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ | 1121 | 150.000.000 | |
| ... | ... | ... | ... | | | |
| 30/06 | PC 222 /06 | 30/06 | Đặt phiếu báo sản lượng | 627 | | 25.535.000 |
| 30/06 | PC 235 /06 | 30/06 | Mua VPP bảo trì máy pho to | 627 | | 22.227.000 |
| 30/06 | PC 236 /06 | 30/06 | Thanh toán lương T6 cho xưởng hàn | 334 | | 169.487.545 |
| 30/06 | PC 237 /06 | 30/06 | Hỗ trợ xây nhà tình nghĩa | 138 | | 80.000.000 |
| | | | Cộng số phát sinh T6 | | 5.055.240.857 | 5.457.419.846 |
| | | | Số dư cuối T6 | | | <u>1.211.883.950</u> |

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.11

Công ty TNHH chế tạo máy EBA

Khu CN Nomura, An Dương, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 111 – TIỀN MẶT**Tháng 06/2012**

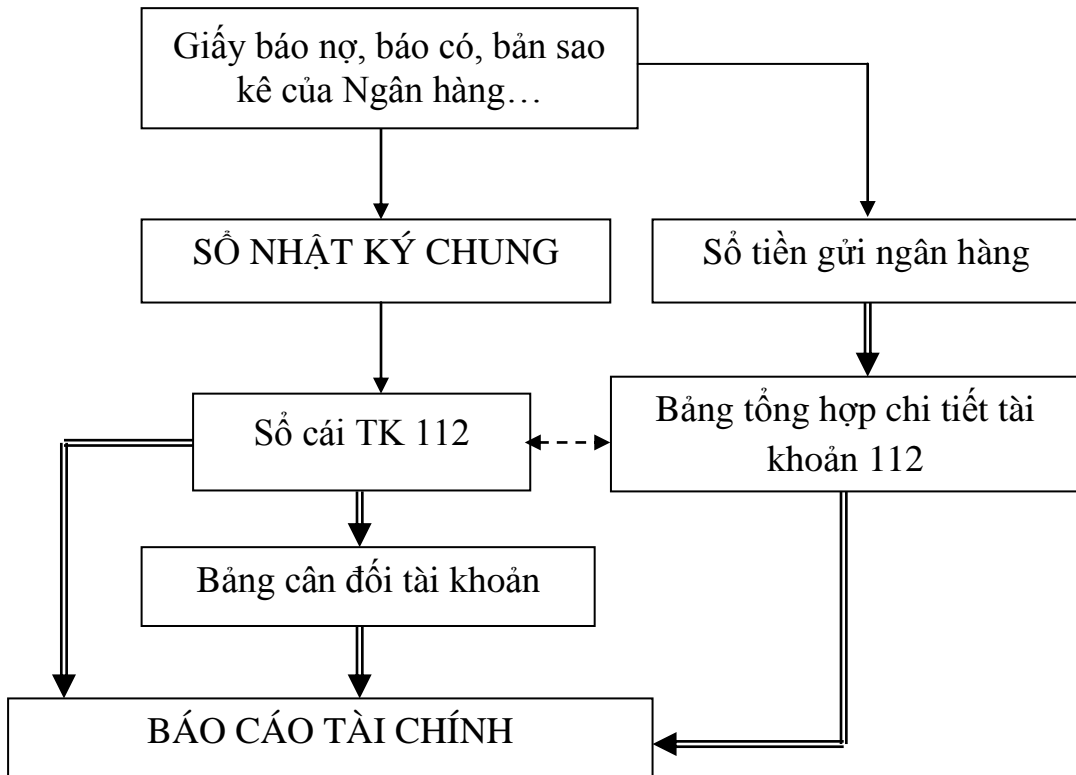
| STT | Đối tượng | Số dư đầu kỳ | | Số phát sinh trong kỳ | | Số dư cuối kỳ | |
|-----|----------------|---------------|----|-----------------------|---------------|---------------|----|
| | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| 1 | Tiền VND | 886.735.000 | | 3.432.555.960 | 3.546.245.650 | 773.045.310 | |
| 2 | Ngoại tệ (USD) | 727.327.939 | | 1.622.684.897 | 1.911.174.196 | 438.838.640 | |
| | Cộng | 1.614.062.939 | | 5.055.240.857 | 5.457.419.846 | 1.211.883.950 | |

2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng**2.2.2.1. Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo Nợ.
- Giấy báo Có.
- Bản sao kê của Ngân hàng (kèm theo chứng từ gốc: uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, séc chuyển khoản, séc bảo chi

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản sử dụng là tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng
- Tài khoản 112 có 2 tài khoản cấp hai:
 - + TK 1121 – IVB: Phản ánh khoản tiền Việt Nam đang gửi tại Ngân hàng Indovina
 - + TK 1122 – IVB: Phản ánh các khoản ngoại tệ đang gửi tại Ngân hàng Indovina đã quy đổi ra đồng Việt Nam.

2.2.2.3. Quy trình hạch toán**Sơ đồ 2.6. Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty**

- Ghi chú:
 —————> Ghi hằng ngày
 =====> Ghi cuối kỳ
 <-.-.-.-> Quan hệ kiểm tra đối chiếu

Đối với tiền gửi, hàng ngày căn cứ vào Giấy báo nợ, báo có hoặc bảng sao kê của Ngân hàng, kế toán tiền gửi sẽ tiến hành ghi vào sổ chi tiết và sổ cái của kế toán tiền gửi. Sau đó tiến hành đối chiếu với sổ tiền thực có của Ngân hàng. Đối với ngoại tệ kế toán sử dụng tỷ giá hạch toán và theo dõi trên TK chi tiết 007. Chênh lệch giữa tỷ giá thực tế và tỷ giá hạch toán được phản ánh ở Nợ hoặc Có TK 413 “Chênh lệch tỷ giá”. Cuối tháng căn cứ vào số dư ngoại tệ kế toán tiền hành điều chỉnh tỷ giá.

Công ty mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Indovina Hải Phòng, với hai loại tiền gửi là “VND” và ngoại tệ “USD”. Hạch toán tiền gửi ngân hàng chủ yếu ở công ty đó là nhận tiền hàng do khách hàng trả tiền hàng bằng ngoại tệ “USD”, trả nợ, trả lãi vay nợ, trả phí ngân hàng, bán ngoại tệ, rút tiền gửi ngân hàng về quỹ tiền mặt... Công ty sử dụng tỷ giá hạch toán để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến tiền gửi ngoại tệ ở ngân hàng, ngoài ra còn sử dụng TK ngoài bảng để theo dõi nguyên tệ TK 007

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngân hàng rất nhiều, nhưng trình tự hạch toán đều tương tự như nhau. Hàng ngày sau khi nhận được các giấy báo nợ, báo có của ngân hàng chuyển đến, kế toán tiền gửi ngân hàng sẽ vào sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng sau khi đã đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo, nếu có sai sót sẽ báo ngay cho Ngân hàng cùng xác minh, tìm hiểu nguyên nhân để từ đó đưa ra những biện pháp xử lý kịp thời

2.2.1.4. Ví dụ minh họa

Ví dụ 4: Ngày 16/06/2012, Bảo hiểm xã hội chuyển tiền cho Công ty qua ngân hàng, số tiền 13.678.300 đồng.

- Từ Giấy báo có (**Biểu 2.12**) của Ngân hàng
- Kế toán vào Sổ nhật ký chung (**Biểu 2.15**) và Sổ tiền gửi ngân hàng – VND (**Biểu 2.16**)
- Từ Sổ nhật ký chung kế toán tiến hành vào Sổ Cái TK 112 (**Biểu 2.18**)

Ví dụ 5: Ngày 18/6/2012 Công ty GE Việt Nam tại Hải Phòng thanh toán tiền hàng mua ngày 31/5/2012 bằng TGNH, số tiền 249.980 USD, tỷ giá liên ngân hàng ngày 18/06 là 20.828 VND/USD, tỷ giá ghi nhận nợ là 20.813 VND/USD.

- Từ Giấy báo có (**Biểu 2.13**) của ngân hàng
- Kế toán tiến hành ghi Sổ nhật ký chung (**Biểu 2.15**), Sổ tiền gửi ngân hàng - USD (**Biểu 2.17**)

- Từ Sổ nhật ký chung kế toán tiến hành vào Sổ Cái TK 112 (**Biểu 2.18**)

Số tiền công ty nhận được:

$$249.980 \text{ (USD)} \times 20.828 = 5.206.583.440 \text{ đồng}$$

Số tiền tính theo tỷ giá ghi nhận nợ:

$$249.980 \text{ (USD)} * 20.813 = 5.202.833.740 \text{ đồng}$$

Lãi tỷ giá:

$$249.980 * (20.828 - 20.813) = 3.749.700 \text{ đồng}$$

$$\text{Nợ TK 112} : 5.206.583.440 \text{ đồng}$$

$$\text{Có TK 515:} \quad 3.749.700 \text{ đồng}$$

$$\text{Có TK 131:} \quad 5.202.833.740 \text{ đồng}$$

Đồng thời ghi vào TK ngoài bảng 007: Nợ 007: 249.980 USD

Ví dụ 6: Thanh toán tiền hàng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Samnec qua Ngân hàng, số tiền 87.164 USD,

Tỷ giá liên ngân hàng tại thời điểm thanh toán: 20.828 VND/USD

Tỷ giá ghi nhận nợ : 20.813 VND/USD

- Sau khi nhận được Giấy Báo nợ (**Biểu 2.14**) số BN\$ 012/06 của ngân hàng

- Kế toán tiến hành ghi Sổ nhật ký chung (**Biểu 2.15**) và Sổ tiền gửi ngân hàng - USD (**Biểu 2.17**)

- Từ Sổ nhật ký chung kế toán tiến hành vào Sổ Cái TK 112 (**Biểu 2.18**)

- Số tiền công ty phải trả tại thời điểm thanh toán :

$$20.828 \times 87.164 = 1.815.451.792 \text{ đồng}$$

Số tiền công ty phải trả theo tỷ giá ghi nhận nợ:

$$20.813 \times 87.164 = 1.814.144.332 \text{ đồng}$$

Số tiền phải trả do chênh lệch tỷ giá (Lỗ tỷ giá) :

$$(20.828 - 20.813) \times 87.164 = 1.307.460 \text{ đồng}$$

Nợ TK 331 : 1.814.144.332 đ

Nợ TK 635 : 1.307.460 đ


Có TK 1122 : 1.815.451.792 đ

Đồng thời ghi vào TK ngoài bảng 007: Có 007: 87.164 USD


- Cuối tháng, từ Sổ tiền gửi ngân hàng kế toán tiến hành lập Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng (**Biểu 2.19**)

- Cuối năm, từ Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết kế toán tiến hành lập Bảng cân đối số phát sinh và vào các Báo cáo tài chính.


Biểu 2.12

| | | | | |
|--|---------------------------------|-------------------------------------|---|-----------------|
|  | | GIẤY BÁO CÓ | | Số /Seq No: 003 |
| | | CREDIT ADVICE | | |
| Số tài khoản/Account No: 3008291.002 | | | | |
| Tên tài khoản/Account | | | | |
| Kính gửi/To: Công ty THNN chế tạo máy EBA | | | Ngân Hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý Khách Hàng đã được ghi có với nội dung sau: <i>Please note that we have today CREDITED your account with the following entries:</i> | |
| Ngày hiệu lực <i>Effective Date</i> | Số tiền <i>Amount</i> | Loại tiền <i>currency</i> | Diễn giải/particulars | |
| 17/06/12 | 13.678.300 | VNĐ | BHXH chuyển tiền | |
| Số tiền bằng chữ (Amount in word): Mười ba triệu sáu trăm bảy tám nghìn ba trăm đồng./. | | | | |
| Giao dịch viên/Prepared by | | | Kiểm soát/Verified by | |

Biểu 2.13

|  | | GIẤY BÁO CÓ CREDIT ADVICE | | Số /Seq No: 001 Ngày/Date: 18/06/12 |
|---|-------------------|---|---------------------------------|--|
| Số tài khoản/Account No: | | 3008291.001 | | |
| Tên tài khoản/Account name: | | | | |
| Kính gửi/To: Công ty TNHH chế tạo máy EBA | | Ngân Hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý Khách Hàng đã đợc ghi có với nội dung sau: <i>Please note that we have today CREDITED your account with the following entries:</i> | | |
| Ngày hiệu lực Effective Date | Số tiền Amount | Loại tiền Currency | Diễn giải/particulars | |
| 18/06/12 | 249.980 | USD | Công ty GE trả tiền hàng | |
| Số tiền bằng chữ (Amount in word): Hai trăm bốn chín nghìn chín trăm tám mươi đô la mỹ./. | | | | |
| Giao dịch viên/Prepared by | | | Kiểm soát/Verified by | |

Biểu 2.14

|  | | GIẤY BÁO NỢ | | Số /Seq No: 012 |
|---|-------------------|---|---|---------------------|
| | | DEBIT ADVICE | | Ngày/Date: 18/06/12 |
| Số tài khoản/Account No: | | 3008291.001 | | |
| Tên tài khoản/Account: name: | | | | |
| Kính gửi/To: Công ty TNHH chế tạo máy EBA | | Ngân Hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý Khách Hàng đã được ghi nợ với nội dung sau: Please note that we have today DEBITED your account with the following entries: | | |
| Ngày hiệu lực Effective Date | Số tiền Amount | Loại tiền Currency | Diễn giải/particulars | |
| 18/06/12 | 87.164 | USD | Thanh toán tiền hàng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Samnec | |
| Số tiền bằng chữ (Amount in word): Tám bảy nghìn một trăm sáu tư đô la mỹ./. | | | | |
| Giao dịch viên/Prepared by | | Kiểm soát/Verified by | | |

Biểu 2.15

Công ty TNHH chế tạo máy EBA
KCN Nomura An Đông Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

| Ngày | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK | | Số phát sinh | |
|-------|-------------|-------|---|------------|------|-----------------------|-----------------------|
| | Số hiệu | Ngày | | đối ứng | Nợ | Có | |
| 01/06 | PC 001 /06 | 01/06 | Tạm ứng sửa ống nước | 141 | | 2.000.000 | |
| | | | | | 1111 | | 2.000.000 |
| ... | | ... | | | | | |
| 04/06 | PT 001 /06 | 04/06 | Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ | 111 | | 150.000.000 | |
| | | | | | 1121 | | 150.000.000 |
| ... | | ... | | | | | |
| 17/06 | BC 003 /06 | 17/06 | BHXH chuyển tiền QII/2012 | 1121 | | 13.678.300 | |
| | | | | | 338 | | 13.678.300 |
| 18/06 | BC\$ 001/06 | 18/06 | Công ty GE trả tiền hàng | 1122 | | 5.202.833.740 | |
| | | | | | 131 | | 5.202.833.740 |
| | | | | 1122 | | 3.749.700 | |
| | | | | | 515 | | 3.749.700 |
| 18/06 | BN\$ 003/06 | 18/06 | Trả lãi (KU01269) | 635 | | 1.383.513 | |
| | | | | | 112 | | 1.383.513 |
| 18/06 | PT 004 /06 | 18/06 | Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ | 1111 | | 991.525.000 | |
| | | | | | 1121 | | 991.525.000 |
| 18/06 | BN\$ 012/06 | 18/06 | Thanh toán tiền hàng cho Công ty Samnec | 331 | | 1.814.144.332 | |
| | | | | | 1122 | | 1.814.144.332 |
| | | | Thanh toán tiền hàng cho Công ty Samnec | 635 | | 1.307.460 | |
| | | | | | 1122 | | 1.307.460 |
| ... | | ... | | | | | |
| | | | Cộng | | | 69.242.512.000 | 69.242.512.000 |

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.16

Công ty TNHH chế tạo máy EBA
KCN Nomura An Đông Hải Phòng

Mẫu số:S08-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**Năm 2012**Nơi mở tài khoản giao dịch: **Ngân hàng Indovina**Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: **3008291.001(USD)**

| Ngày tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Số tiền | | |
|-------------------|-------------|------------|---|-------------------|---------------|---------------|----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Thu (Gửi vào) | Chi (Rút ra) | Còn lại |
| | | | Số dư đầu T6 | | | | 2.295.921.015 |
| | | | Số phát sinh trong T6 | | | | |
| ... | ... | ... | ... | | | | |
| 18/06 | BC\$ 001/06 | 18/06 | Công ty GE trả tiền hàng | 131 | 5.202.833.740 | | 4.781.054.732 |
| 18/06 | BC\$ 001/06 | 18/06 | Công ty GE trả tiền hàng | 515 | 3.749.700 | | 4.784.804.432 |
| 18/06 | BN\$ 012/06 | 18/06 | Thanh toán tiền hàng cho Công ty Samnec | 331 | | 1.814.144.332 | 2.970.660.100 |
| 18/06 | BN\$ 012/06 | 18/06 | Thanh toán tiền hàng cho Công ty Samnec | 635 | | 1.307.460 | 2.969.352.640 |
| .. | ... | ... | ... | | | | |
| 30/06 | BC\$ 056/06 | | Xuất quỹ tiền mặt gửi tài khoản ngân hàng | 1112 | 2.082.800.000 | | 1.250.467.532 |
| | | | Cộng số phát sinh trong T6 | | 3.081.762.596 | 2.013.870.188 | |
| | | | Số dư cuối T6 | | | | 3.363.813.423 |

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.17

Công ty TNHH chế tạo máy EBA
KCN Nomura An Dương Hải Phòng

Mẫu số:S08-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Năm 2012

Nơi mở tài khoản giao dịch: **Ngân hàng Indovina**
Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: **3008291.002(VND)**

| Ngày tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Số tiền | | |
|-------------------------|-------------------|---------------|--|-------------------------|-------------------|---------------|----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Thu (Gửi vào) | Chi (Rút ra) | Còn lại |
| | | | Số dư đầu T6 | | | | 720.540.667 |
| | | | Số phát sinh trong T6 | | | | |
| 04/06 | PT 001 /06 | 04/06 | Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ | 1111 | | 150.000.000 | 570.540.667 |
| 17/06 | BC 003 /06 | 17/06 | BHXX chuyển tiền QII/2012 | 338 | 13.678.300 | | 584.218.967 |
| 18/06 | PT 004 /06 | 18/06 | Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ | 1111 | | 991.525.000 | 1.021.567.232 |
| 19/06 | BC 004/06 | | Xuất quỹ tiền mặt gửi tài khoản ngân hàng | 1111 | 200.000.000 | | 1.221.567.232 |
| ... | ... | ... | ... | | | | |
| 30/06 | BN 045/06 | | Công ty An Phát trả tiền hàng | 131 | 440.000.000 | | 1.250.467.532 |
| | | | Cộng số phát sinh trong T6 | | 3.221.547.667 | 2.691.620.802 | |
| | | | Số dư cuối T6 | | | | 1.250.467.532 |

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.18

Công ty TNHH chế tạo máy EBA
KCN Nomura An Dương Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Tài khoản 112 – TGNH**

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|--------------|--------------------|--------------|--|--------------------------|-----------------------------|----------------------|
| | Số hiệu | Ngày | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu T6 | | <u>3.016.461.682</u> | |
| | | | Số phát sinh trong T6 | | | |
| 04/06 | PT 001 /06 | 04/06 | Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ | 1111 | | 150.000.000 |
| 17/06 | BC 003 /06 | 17/06 | BHXX chuyển tiền QII/2012 | 338 | 13.678.300 | |
| 18/06 | BC\$ 001/06 | 18/06 | Công ty GE trả tiền hàng | 131 | 5.202.833.740 | |
| | | | | 515 | 3.749.700 | |
| 18/06 | BN\$ 003/06 | 18/06 | Trả lãi vay(KU01269) | 635 | | 1.383.513 |
| 18/06 | PT 004 /06 | 18/06 | Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ | 1111 | | 991.525.000 |
| 18/06 | BN\$ 012/06 | 18/06 | Thanh toán tiền hàng cho Công ty Samnec | 331 | | 1.814.144.332 |
| | | | | 635 | | 1.307.460 |
| ... | ... | ... | ... | | | |
| 24/06 | BN 003 /06 | 24/06 | Thanh toán BHYT | 338 | | 102.952.836 |
| 30/06 | BN 001 /06 | 30/06 | Trả lãi vay | 635 | | 40.000.000 |
| 30/06 | BN 002 /06 | 30/06 | Trả lãi vay | 635 | | 85.500.000 |
| | | | Cộng số phát sinh T6 | | 6.303.310.263 | 4.705.490.990 |
| | | | Số dư cuối T6 | | <u>4.614.280.955</u> | |

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.19

Công ty TNHH chế tạo máy EBA

Khu CN Nomura, An Dương, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 112 – TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**Tháng 06/2012**

| STT | Đối tượng | Số tài khoản | Số dư đầu kỳ | | Số phát sinh | | Số dư cuối kỳ | |
|-----|---------------------------------------|--------------|----------------------|----|----------------------|----------------------|----------------------|----|
| | | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| 1 | Tiền VND tại Ngân hàng Indovina | 3008291.002 | 720.540.667 | | 3.221.547.667 | 2.691.620.802 | 1.250.467.532 | |
| 2 | Ngoại tệ (USD) tại Ngân hàng Indovina | 3008291.001 | 2.295.921.015 | | 3.081.762.596 | 2.013.870.188 | 3.363.813.423 | |
| | Cộng | | 3.016.461.682 | | 6.303.310.263 | 4.705.490.990 | 4.614.280.955 | |

CHƯƠNG III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO MÁY EBA

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH chế tạo máy EBA

Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ khi thành lập đến nay, Công ty đã phải trải qua biết bao những khó khăn, thử thách để tồn tại, cạnh tranh và phát triển. Trong suốt những năm qua Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã từng bước tháo gỡ những khó khăn, vượt qua thử thách, dần khẳng định vị thế của chính mình. Đó là kết quả phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn Công ty. Kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh toàn diện về trình độ quản lý, làm việc của Công ty. Điều đó đã đem lại công ăn việc làm cho nhiều lao động và góp phần không nhỏ vào Ngân sách Nhà nước.

Trong những năm qua Công ty TNHH chế tạo máy EBA luôn quan tâm đến vấn đề nghiên cứu thị trường, tìm hiểu thấu đáo nhu cầu của khách hàng đáp ứng đòi hỏi chất lượng ngày càng cao của khách hàng và có chỗ đứng vững chắc trên thị trường kinh doanh còn nhiều mới mẻ này.

Với đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm và công nhân kỹ thuật lành nghề cùng với máy móc thiết bị ngày càng được trang bị hiện đại Công ty đã và đang tham gia chế tạo sản xuất, lắp ráp nhiều sản phẩm được các nước Châu Á và Châu Âu mua bán sử dụng.

Để mở rộng thị trường, ngành nghề kinh doanh Công ty đã chủ động “Đa phương hóa quan hệ” hợp tác liên doanh với nhiều công ty trong nước và nước ngoài nhằm mục đích chuyển giao công nghệ, ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Khác với nhiều doanh nghiệp Nhật Bản khác, Công ty TNHH chế tạo máy EBA rất chú trọng công tác đào tạo để công nhân Việt Nam nhanh chóng làm chủ về công nghệ. Toàn bộ công nhân được học tiếng Nhật để có thể đọc tài liệu và trực tiếp trao đổi, nghe chỉ đạo công việc từ lãnh đạo Nhật Bản, mà

không cần phiên dịch. Hiện nay, công nhân người Việt đã làm được cả công đoạn khó như thiết kế, lập trình điều khiển. Đây có thể xem như là một thành công mà không phải doanh nghiệp Nhật Bản nào tại Việt Nam cũng làm được.

Một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển trong điều kiện cạnh tranh của nền kinh tế thị trường phải biết quan tâm đến công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp mình. Hạch toán kế toán với bản chất là hệ thống thông tin, kiểm tra tình hình biến động tài sản của doanh nghiệp với chức năng thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho đối tượng quan tâm, đặc biệt là các nhà quản lý doanh nghiệp.

Qua thời gian nghiên cứu thực tế công tác kế toán tại Công ty TNHH chế tạo máy EBA, em thấy công tác kế toán nói chung và hạch toán nghiệp vụ nói riêng được tổ chức tương đối phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty trong giai đoạn hiện nay.

Công ty đã xây dựng riêng cho mình một bộ máy quản lý gọn nhẹ, linh hoạt, khoa học. Các phòng ban được sắp xếp một cách hợp lý, phù hợp với quy mô của công ty nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý kinh doanh. Phòng tài chính kế toán với chức năng thực hiện công tác kế toán tài chính của công ty đã không ngừng biến đổi cả về cơ cấu lẫn phương pháp làm việc nó từng bước hoàn thiện nhằm cung cấp những thông tin tài chính chính xác để các cấp lãnh đạo ra quyết định đúng đắn về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Có đội ngũ cán bộ trẻ trung năng động, sáng tạo, có trình độ chuyên môn cao tận tình với công việc giúp cho công ty có những thành tích đáng ghi nhận. Do khối lượng công việc hạch toán lớn nên lao động kế toán được phân công theo các phần hành kế toán. Việc phân công lao động kế toán như vậy cũng rất phù hợp, tạo điều kiện cho kế toán viên chuyên môn hóa trong công việc, tích lũy kinh nghiệm, giải quyết các công việc thuộc phần hành của mình một cách nhanh chóng. Hơn nữa, giữa các kế toán viên luôn có quan hệ tác nghiệp trong công việc nên việc cung cấp trao đổi thông tin giữa các phần hành rất nhanh chóng, kịp thời tạo điều kiện

cung cấp số liệu, các báo cáo cho ban lãnh đạo công ty khi cần thiết. Có thể nói, mô hình kế toán mà công ty đang áp dụng đã phát huy vai trò của nó, góp phần quan trọng vào việc phân công lao động một cách hợp lý, hỗ trợ đắc lực cho ban lãnh đạo công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

Công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán đặc biệt là trong công tác quản lý vốn bằng tiền để tránh được những thất thoát, gian lận quỹ tiền mặt đồng thời sử dụng tốt nhất những đồng vốn hiện có. Công ty TNHH chế tạo máy EBA trong thời gian qua đã có nhiều biện pháp nhằm hoàn thiện, đổi mới trong công tác tổ chức hạch toán kế toán tại đơn vị mình. Vì vậy, công tác tổ chức hạch toán kế toán tại công ty đã đạt được những thành tựu góp phần quan trọng vào quá trình phát triển của công ty trong thời kỳ đổi mới. Bên cạnh đó vẫn còn tồn tại những yếu kém cần khắc phục.

3.1.1. Những ưu điểm về công tác kế toán vốn bằng tiền

➤ Về công tác quản lý:

Công ty TNHH chế tạo máy EBA là một doanh nghiệp hạch toán độc lập công ty đã tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Công ty có những biện pháp quản lý chặt chẽ ở tất cả các khâu, các bộ phận một cách nhịp nhàng và có hiệu quả. Bên cạnh đó công ty luôn bổ sung thêm các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực tốt đồng thời có những chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương doanh nghiệp cũng như khuyến khích người lao động làm việc.

➤ Về công tác kế toán vốn bằng tiền:

Công tác kế toán vốn bằng tiền là một khâu quan trọng trong công tác kế toán của công ty. Công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán quản lý và sử dụng vốn bằng tiền. Hàng ngày kế toán luôn cập nhật phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến vốn bằng tiền của công ty thông qua các loại sổ sách. Bên cạnh đó kế toán luôn thường xuyên và có quan hệ tốt với Ngân hàng. Tập hợp theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu với Ngân hàng.

➤ Về hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản về quy trình hạch toán, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời. Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

➤ Về chứng từ kế toán sử dụng:

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính). Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định. Chứng từ được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của Nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho các cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

➤ Về sổ sách và tài khoản kế toán sử dụng:

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra những sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

Công ty đã xây dựng hệ thống tài khoản khá chi tiết, cụ thể, phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng hạch toán của công ty, tạo điều kiện vừa theo dõi tổng hợp, vừa theo dõi chi tiết các đối tượng hạch toán một cách chính

xác. Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà Nước ban hành và đã được chi tiết cho từng loại tiền.

➤ **Về hệ thống báo cáo kế toán:**

Công ty sử dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do Nhà nước quy định dành cho Chế độ doanh nghiệp lớn (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

➤ **Về việc lập và thời gian lập báo cáo tài chính:**

Công ty thực hiện theo đúng chế độ quy định. Các báo cáo tài chính được nộp cho cơ quan thuế, ngân hàng theo đúng thời gian quy định.

3.1.2. Những hạn chế về công tác kế toán vốn bằng tiền

Bên cạnh những ưu điểm trên thì công tác kế toán vốn bằng tiền của công ty có những mặt hạn chế làm ảnh hưởng đến năng suất và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Vì vậy cần phân tích những mặt hạn chế đó để đưa ra biện pháp khắc phục giúp cho việc kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn giúp cho ban lãnh đạo công ty quản lý và sử dụng vốn bằng tiền tiết kiệm và hiệu quả nhất. Sau đây là một số mặt hạn chế mà công ty cần khắc phục.

➤ **Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi**

Công ty không sử dụng tài khoản 139 - Dự phòng phải thu khó đòi, trong khi công ty có rất nhiều những khoản nợ quá hạn của khách hàng. Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi sẽ giúp công ty chủ động hơn về tài chính và tránh được những rủi ro không mong muốn trong kinh doanh.

➤ **Về công tác kế toán vốn bằng tiền:**

Cuối tháng hoặc định kỳ, công ty chưa tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kiểm kê quỹ, việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với số quỹ gặp khó khăn, và ảnh hưởng rất nhiều đến việc mua bán, thanh toán bằng tiền mặt.

➤ **Về hệ thống sổ sách:**

Hiện nay, Công ty đã có tiến hành lập Sổ tiền gửi ngân hàng, tuy nhiên khi phản ánh chi tiết tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ Công ty vẫn chưa

phản ánh cụ thể số nguyên tệ của từng nghiệp vụ. Vì vậy, để tiện cho việc theo dõi đối chiếu giữa ngoại tệ và VND, Công ty nên thêm cột ngoại tệ vào Sổ tiền gửi ngân hàng.

➤ **Về việc hiện đại hóa công tác kế toán:**

Công ty chưa đưa phần mềm kế toán vào sử dụng mặc dù phòng kế toán được trang bị máy tính đầy đủ. Nhưng chỉ dừng lại trên Excel không sử dụng phần mềm kế toán. Vì vậy việc sử dụng phần mềm kế toán là rất cần thiết. Sử dụng phần mềm sẽ tiết kiệm được thời gian công sức lao động đem lại hiệu quả làm việc cao. Giảm tải được khối lượng công việc nhất là vào kỳ kế toán khối lượng công việc tương đối lớn. Do vậy sử dụng phần mềm kế toán sẽ giảm nhẹ được áp lực công việc cũng như thời gian làm việc cho kế toán.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Chế tạo máy EBA

Với bất kỳ doanh nghiệp nào lợi nhuận luôn là mục tiêu hàng đầu vì vậy cần đề ra những biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh. Giúp cho doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường và khẳng định vị thế của mình trong nền kinh tế có nhiều biến động như hiện nay. Trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh thì việc nâng cao sử dụng vốn bằng tiền là một yêu cầu đặt ra đòi hỏi các nhà quản lý cần phải quan tâm. Việc nâng cao sử dụng vốn bằng tiền đòi hỏi doanh nghiệp vẫn phải chấp hành tuân thủ các chế độ kế toán hiện hành và phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.

Kiến nghị 01: Hoàn thiện việc dự phòng phải thu khó đòi

Năm 2012 công ty TNHH chế tạo máy EBA có phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi nhưng chưa trích lập. Công ty nên đưa vào sử dụng tài khoản 139 – Dự phòng phải thu khó đòi.

✓ **Khái niệm về dự phòng nợ phải thu khó đòi.**

Theo thông tư số 228 của Bộ Tài Chính ngày 07 tháng 12 năm 2009:

“Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị có thể bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn

nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.”

✓ **Mục đích của việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.**

Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vào chi phí hoạt động kinh doanh năm báo cáo của doanh nghiệp có hai mục đích chính:

Một là, giúp doanh nghiệp có một nguồn tài chính để bù đắp tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch.

Hai là, đảm bảo cho doanh nghiệp xác định được giá trị của các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được (giá trị thật) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

✓ **Vai trò của việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.**

***Trên phương diện kinh tế:**

Nhờ các tài khoản dự phòng giảm giá nói chung trong đó đặc biệt là tài khoản phản ánh dự phòng nợ phải thu khó đòi mà bảng cân đối kế toán phản ánh chính xác hơn giá trị thực tế tài sản của doanh nghiệp. Giá trị thực tế tài sản của doanh nghiệp được xác định như sau:

*** Trên phương diện tài chính:**

Do dự phòng nợ phải thu khó đòi làm giảm lợi nhuận của niên độ kế toán nên doanh nghiệp sẽ có được một khoản tích lũy mà đáng lẽ đã được phân chia cho các cổ đông, các chủ sở hữu,...Khoản tích lũy này được sử dụng để bù đắp các khoản nợ phải thu khó đòi thực sự phát sinh và tài trợ cho các khoản chi phí hay lỗ đã được dự phòng khi các chi phí này phát sinh ở niên độ kế toán sau. Thực chất dự phòng nợ phải thu khó đòi nói riêng và các khoản dự phòng nói chung là một nguồn tài chính của doanh nghiệp, tạm thời nằm trong các tài sản lưu động trước khi được sử dụng thực sự.

***Trên phương diện thuế:**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận như một khoản chi phí hợp lý trước thuế, làm giảm lợi nhuận phát sinh để tính ra số lợi nhuận thực tế. Vì vậy, việc lập dự phòng sẽ làm cho thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của đơn vị giảm xuống một lượng đáng kể. Đây là nguồn tài chính có được nhờ việc lập dự phòng, trì hoãn việc nộp thuế, không mất chi phí huy động, doanh

ng nghiệp có thể đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh để sinh lời.

***Cơ sở lý luận:**

Theo thông tư số 228 của Bộ Tài Chính ngày 07 tháng 12 năm 2009 về dự phòng nợ phải thu khó đòi.

* Điều kiện: là các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

*Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên.

Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã

lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 139:

+ **Bên nợ:**

Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi.

+ **Bên có:**

Số dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập trích vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ **Số dư bên có:**

Số dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

Ví dụ: Công ty hiện có một số khoản nợ của khách hàng đã quá hạn.

Điều này gây khó khăn cho Công ty khi cần huy động vốn. Công ty cần phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Từ Bảng kê công nợ (**Biểu 3.1**), công ty nên lập Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi (**Biểu 3.2**) như sau:

Biểu 3.1

Công ty TNHH chế tạo máy EBA
Khu CN Nomura, An Dương, Hải Phòng

BẢNG KÊ CÔNG NỢ

Tính đến ngày 31/12/2012

| STT | Tên khách hàng | Số nợ | Chưa đến hạn | Đến hạn | Quá hạn | Không đòi được | Ghi chú |
|-----|--------------------------|----------------------|--------------------|--------------------|--------------------|----------------|------------------|
| 1 | Công ty TNHH Tuấn Việt | 250.000.000 | | | 250.000.000 | | 8 tháng 19 ngày |
| 2 | Công ty cổ phần Đại Nam | 65.500.000 | 35.500.000 | 30.000.000 | | | |
| 3 | Công ty TNHH An Phát | 132.000.000 | | | 132.000.000 | | 13 tháng 20 ngày |
| 4 | Công ty TNHH Hoa Phượng | 33.000.000 | 33.000.000 | | | | |
| 5 | Công ty TNHH Đông Dương | 196.000.000 | 120.000.000 | 76.000.000 | | | |
| 6 | Công ty TNHH GE Việt Nam | 198.500.000 | | | 198.500.000 | | 7 tháng 4 ngày |
| ... | ... | ... | | | | | |
| | Cộng | 1.988.545.500 | 702.295.000 | 682.545.000 | 580.500.000 | | |

Biểu 3.2

Công ty TNHH chế tạo máy EBA

Khu CN Nomura, An Dương, Hải Phòng

BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI*Tính đến ngày 31/12/2012*

| STT | Tên khách hàng | Khoản nợ | Thời gian quá hạn | % trích lập | Mức trích lập dự phòng |
|------------|--------------------------|--------------------|--------------------------|--------------------|-------------------------------|
| 1 | Công ty TNHH Tuấn Việt | 250.000.000 | 8 tháng 19 ngày | 30% | 75.000.000 |
| 2 | Công ty TNHH An Phát | 132.000.000 | 13 tháng 20 ngày | 50% | 66.000.000 |
| 3 | Công ty TNHH GE Việt Nam | 198.500.000 | 7 tháng 4 ngày | 30% | 59.550.000 |
| | Cộng | 580.500.000 | | | 200.550.000 |

Kế toán tính, xác định số nợ dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập ghi bút toán:

Nợ TK 642 : 200.550.000 đ

Có TK 139 : 200.550.000 đ

Kiến nghị 02: Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ tiền mặt

Hiện tại Công ty kiểm kê quỹ một năm một lần hoặc khi có yêu cầu kiểm kê, tuy nhiên để có thể nắm bắt và quản lý tốt vốn bằng tiền mặt, kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, có thể là đột xuất khi có nhu cầu hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh lệch(nếu có) giữa tiền Việt nam tồn quỹ thực tế so với sổ quỹ.

Bảng kiểm kê quỹ (***Biểu 3.3***) được lập theo mẫu sau:

Biểu 3.3

Mẫu số: S08 – DN

Đơn vị:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Bộ phận:.....

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ*(Dùng cho VNĐ)*

Hôm nay, vàogiờ ...ngày ...tháng ...năm ...

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà:Đại diện kế toán

Ông/Bà:Đại diện thủ quỹ

Ông/Bà:Đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

| STT | Diễn giải | Số lượng | Số tiền |
|-----|-----------------------|----------|---------|
| A | B | 1 | 2 |
| I | Số dư theo sổ quỹ | | |
| II | Số kiểm kê thực tế | | |
| 1 | Trong đó | | |
| 2 | -Loại | | |
| 3 | -Loại | | |
| 4 | -Loại | | |
| 5 | -.... | | |
| ... | | | |
| III | Chênh lệch (III=I-II) | | |

- Lý do:

+Thừa:.....

+Thiếu:.....

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng Thủ quỹ Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ**(Ký, họ tên)****(Ký, họ tên)****(Ký, họ tên)****Kiến nghị 03: Hoàn thiện về hệ thống sổ sách**

Hiện nay Công ty có sử dụng Sổ tiền gửi ngân hàng dành cho ngoại tệ tuy nhiên vẫn chưa hiển thị rõ số nguyên tệ cụ thể. Vì vậy Công ty nên bổ sung cột nguyên tệ trong Sổ tiền gửi ngân hàng.

Biểu 3.4

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số:S08-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**Năm:**

Nơi mở tài khoản giao dịch:

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi:

| Ngày tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Tỷ giá | Số tiền | | | | | |
|-------------------------|------------|---------------|-------------------------------|----------------------------|-----------|---------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | Thu (Gửi vào) | | Chi (Rút ra) | | Còn lại | |
| | | | | | | Nguyên tệ | Quy đổi ra VND | Nguyên tệ | Quy đổi ra VND | Nguyên tệ | Quy đổi ra VND |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | | | | | | |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh trong kỳ | | | | | | | | |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | | | | | | |

Người ghi số

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kiến nghị 04: Hiện đại hóa công tác kế toán

Nếu như trước đây khi kế toán viên cộng sổ kế toán sai thì toàn bộ các báo cáo tài chính quản trị có liên quan đều phải được lập lại từ đầu và thời gian tiêu tốn cho việc này có thể mất vài ngày thậm chí tới vài tuần để hoàn thành thì nay với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán, người sử dụng có thể giảm tối đa thời gian lãng phí vào việc chỉnh sửa dữ liệu, sổ sách, báo cáo từ vài ngày xuống còn vài phút. Mặt khác công tác kế toán thủ công đòi hỏi cần nhiều nhân sự làm kế toán trong khi phần mềm kế toán do tự động hóa hoàn toàn các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và kết xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian, chính điều này đã góp phần tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

Cùng với sự phát triển ngày càng cao của khoa học kỹ thuật, xu hướng phát triển nhanh chóng trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là rất cần thiết.

Áp dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán có chi phí đầu vào không cao nhưng hiệu quả mang lại rất lớn. Nó giúp giảm nhẹ rất nhiều khối lượng công việc của kế toán viên, nâng cao độ tin cậy, độ chính xác của các con số trong kế toán.

Em xin giới thiệu một số phần mềm khá bổ biến và uy tín trên thị trường, phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ : Misa, Fast accounting, Bravo,...

Phần mềm quản trị- tài chính- kế toán Bravo

Phiên bản mới của “Phần mềm quản trị tài chính - kế toán BRAVO” là Bravo7. Với nền tảng được thiết kế trên công nghệ hiện đại cho phép phần

Sinh viên : Nguyễn Thị Thanh Mơ – Lớp QT1303K

mềm BRAVO dễ dàng được sửa đổi, thêm bớt chức năng trong từng phân hệ (module) và thêm những phân hệ mới.

BRAVO được xây dựng theo từng phân hệ (module) nhằm mục đích trợ giúp và quản lý các hệ thống quy trình quản lý SXKD của doanh nghiệp trên phần mềm (*Quản lý và hoạch định tài nguyên doanh nghiệp*)

Hệ thống mở, mềm dẻo linh hoạt

Cùng với sự phát triển của doanh nghiệp, các yêu cầu về quản trị sẽ thay đổi dẫn đến sự quá tải đối với các phần mềm có thiết kế đóng. Đồng thời, tính đa dạng và đặc thù của các ngành nghề kinh doanh làm cho vấn đề càng trở nên phức tạp khi không có những phần mềm được tổ chức tốt và thiết kế mở. Phần mềm BRAVO được thiết kế với hệ thống mở, mềm dẻo, linh hoạt để điều chỉnh các tính năng không chỉ phù hợp với yêu cầu hiện tại mà còn sẵn sàng cho sự phát triển trong tương lai của doanh nghiệp cũng như sự biến động về chính sách, chế độ của Nhà nước (*thiết kế hợp với yêu cầu đa dạng của thực tế*). Với nền tảng ứng dụng (*Framework*) được thiết kế trên công nghệ hiện đại cho phép phần mềm BRAVO dễ dàng được sửa đổi, thêm bớt chức năng trong từng phân hệ (*module*) và thêm những phân hệ mới.

Quy trình xử lý trình tự công việc (Workflow)

Quy trình làm việc của doanh nghiệp có rất nhiều bộ phận cũng như nhân viên tham gia. Việc phối hợp xử lý công việc cũng như đồng nhất dữ liệu giữa các nhân viên, bộ phận rất phức tạp cần phải quy định trình tự các bước thực hiện sao cho việc nhập, khai thác dữ liệu tránh trùng lặp và sai sót. BRAVO cho phép người sử dụng tự khai báo, định nghĩa quy trình xử lý tuần tự các công việc phù hợp với thực tế doanh nghiệp

Giá bán: 5.000.000 – 20.000.000 đ

Phần mềm kế toán Fast Accounting

Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

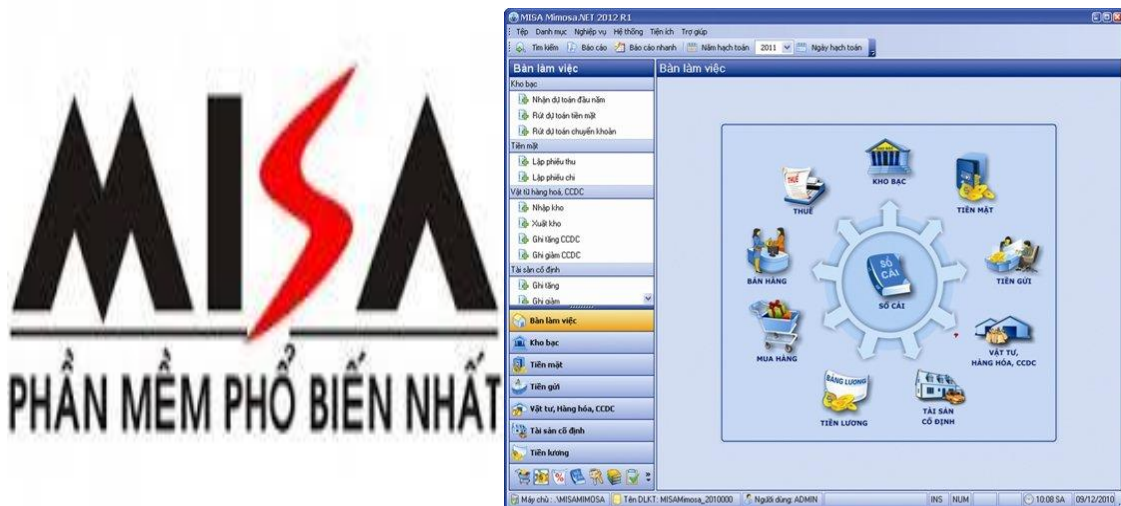
Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 8.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

Fast Accounting 11 được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting 11 có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng windows hoặc ứng dụng web thông qua các trình duyệt phổ biến như Internet Explorer, Fire Fox...

Fast Accounting 11 cho phép chạy trên web-based giúp cho người sử dụng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập qua địa chỉ trên web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này đặc biệt thuận lợi khi làm việc từ xa và khi mở rộng thêm văn phòng, chi nhánh, cửa hàng...

Giá bán: 6.000.000 đ – 12.000.000 đ

Phần mềm kế toán MISA-SME.NET 2012



Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

Tuy nhiên, giống như “tiền nào của đó”, việc áp dụng những phần mềm giá rẻ đặt doanh nghiệp trước những rủi ro như số liệu không chính xác, dễ gặp trục trặc và sự cố trong quá trình sử dụng, tính ổn định giảm, thiếu những phân hệ phù hợp....

Giá bán: Gói Enterprise : 9.950.000 đ

Gói Professional : 7.450.000 đ

Gói Standard : 6.450.000 đ

Theo em, Công ty TNHH chế tạo máy EBA nên lựa chọn một trong những phần mềm kế toán trên để hiện đại hóa công tác kế toán hơn nữa. Và Bravo sẽ là lựa chọn tối ưu cho Công ty. Do phần mềm này khá linh hoạt và Công ty có thể yêu cầu xây dựng một chương trình riêng phù hợp với loại hình cũng như đặc điểm Công ty hiện nay.

Kiến nghị 05: Một số kiến nghị khác:

Bên cạnh những biện pháp trên nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán Vốn bằng tiền, Công ty cần quan tâm hơn nữa tới việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho nhân viên kế toán đáp ứng chất lượng quản lý và công tác kế toán là cao nhất. Ngoài ra, em cũng xin đưa ra một số ý kiến đóng góp về quản lý cũng như tổ chức hay phương thức hạch toán tại Công ty như sau:

- Việc đầu tư, đổi mới máy móc thiết bị hiện đại: Là giải pháp tối ưu đối với các doanh nghiệp trong việc thu hút khách hàng trong khu vực và các tỉnh lân cận. Chính điều đó cũng làm tăng lợi nhuận cho Công ty nếu tính toán một cách hợp lý, khai thác triệt để, hiệu quả máy móc hiện có.

- Thường xuyên củng cố bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty sao cho gọn nhẹ mà vẫn hoạt động có hiệu quả cao nhất. Quản lý, điều hành cần có độ tập trung cao, các quyết định đưa ra phải có sự thống nhất thực hiện từ trên xuống dưới, các vướng mắc phải được xử lý một cách kịp thời.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường: Công ty cần quan tâm xây dựng bộ máy làm công tác thị trường sao cho mạnh mẽ về chuyên môn, hiệu quả, cụ thể trong hoạt động. Đồng thời thiết lập được các mối quan hệ với các cơ quan hữu quan, các tổ chức thương mại nhằm tranh thủ giúp đỡ về thông tin, về biện pháp xúc tiến thương mại. Từ đó tạo điều kiện để Công ty có thể thu hút được những hợp đồng lớn, có giá trị cao, lâu dài, khách hàng có tiềm lực minh tế, có khả năng thanh toán tốt nhất.

- Trong điều kiện nào đó, Công ty có thể chiếm dụng vốn một cách hợp lý, hợp pháp, có hiệu quả đối với các nhà cung cấp bằng cách khất nợ không phải thanh toán ngay. Muốn làm như vậy, Công ty cần tạo uy tín, có mối quan hệ thường xuyên đối với các bạn hàng và tạo điều kiện thanh toán nợ đúng hạn cho phép

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Kế toán với vai trò là công cụ quan trọng để quản lý kinh tế - tài chính ở các doanh nghiệp cũng được phải thay đổi và hoàn thiện cho phù hợp với tình hình mới để giúp cho doanh nghiệp quản lý được tốt hơn mọi mặt hoạt động kinh doanh của mình trong đó có công tác kế toán vốn bằng tiền có một vị trí đặc biệt quan trọng nhất là đối với doanh nghiệp thương mại. Vì vậy việc hoàn thiện quá trình hạch toán kế toán vốn bằng tiền là rất cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH chế tạo máy EBA đã giúp em nắm bắt được thực tế tổ chức công tác kế toán tại công ty, từ khâu lập chứng từ kế toán, tập hợp các chứng từ gốc, kiểm soát và luân chuyển các chứng từ kế toán, ghi chép một cách hệ thống sổ kế toán, thực hiện các phần hành kế toán, xác định kết quả kinh doanh... Từ đó đã giúp em có cơ sở để đối chiếu giữa lý luận với thực tế để bổ sung cho kiến thức lý thuyết đã được trang bị tại trường, rèn luyện kỹ năng, phương pháp của người cán bộ kế toán và cách thức tổ chức thực hiện công tác kế toán.

Do thời gian thực tập có hạn, việc thu thập tài liệu, tìm hiểu về công tác kế toán tại công ty còn chưa sâu và do kiến thức thực tế còn nhiều hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự đánh giá, góp ý của thầy cô khoa Quản trị kinh doanh để bài viết của em hoàn chỉnh và sát với thực tế.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn cô giáo ThS. Nguyễn Thị Mai Linh, Ban giám đốc và các cán bộ nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH chế tạo máy EBA đã hướng dẫn tận tình trong quá trình thực tập và tạo điều kiện giúp em hoàn thành bài khóa luận của mình. ./.

Hải Phòng ngày tháng 06 năm 2012

Sinh viên

Nguyễn Thị Thanh Mơ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các chứng từ và sổ sách kế toán năm 2012 của Công ty TNHH chế tạo máy EBA
2. Bộ tài chính (Vụ chế độ kế toán và kiểm toán) - Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) - Hệ thống tài khoản kế toán - Nhà xuất bản lao động (Năm 2010).
3. Bộ tài chính (Vụ chế độ kế toán và kiểm toán) - Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) - Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản lao động (Năm 2010).
4. GS.TS. Ngô Thế Chi, PGS.TS. Nguyễn Đình Đỗ, Th.S. Trương Thị Thủy, Th.S. Đặng Thế Hưng - Luật kế toán Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – Nhà xuất bản tài chính (Năm 2006)
5. Khóa luận tốt nghiệp của các khóa 11, 12 trong thư viện Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.
6. Một số trang web chuyên ngành như: webketoan.com, ketoanthue.vn